EBOOK

CHECKLIST 217 HÀNH VI

VI PHẠM VỀ AN NINH MẠNG, BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

và mức phạt đối với doanh nghiệp theo Nghị định 330/2026/NĐ-CP



Căn cứ: Nghị định 330/2026/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 19/8/2026

THỰC HIỆN BỞI:
LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Hướng dẫn xem tài liệu

- Mức phạt là mức dành cho tổ chức:
  Điều 9–38 đã nhân đôi mức cá nhân;
  Điều 39–71 giữ mức tổ chức theo khoản 1 Điều 7 Nghị định 330/2026/NĐ-CP.
- Các mức của hộ kinh doanh và quy định dành riêng cho cá nhân không nằm trong checklist này.

- **BS** = xử phạt bổ sung;
- **KP** = biện pháp khắc phục hậu quả.
- **Dấu —**: không có quy định.
- **Các chữ a, b**... trong cột chế tài là điểm thuộc khoản xử phạt của dòng đó;
  chỉ điểm được nêu mới chịu biện pháp đó.

Checklist 217 hành vi vi phạm về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và mức phạt đối với doanh nghiệp theo Nghị định 330/2026/NĐ-CP

Hướng dẫn xem tài liệu

- Mức phạt là mức dành cho tổ chức: Điều 9–38 đã nhân đôi mức cá nhân; Điều 39–71 giữ mức tổ chức theo khoản 1 Điều 7 Nghị định 330/2026/NĐ-CP. Các mức của hộ kinh doanh và quy định dành riêng cho cá nhân không nằm trong checklist này.
- BS = xử phạt bổ sung; KP = biện pháp khắc phục hậu quả. Dấu —: không có quy định. Các chữ a, b… trong cột chế tài là điểm thuộc khoản xử phạt của dòng đó; chỉ điểm được nêu mới chịu biện pháp đó.

Danh mục các nhóm vi phạm về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Mục	Tên nhóm vi phạm	Điều	STT
1	Vi phạm quy định về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng	9–15	1–30
2	Vi phạm quy định về phòng, chống tấn công mạng	16–18	31–37
3	Vi phạm quy định về triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng	19–33	38–78
4	Vi phạm quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng	34–36	79–87
5	Vi phạm quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác	37–38	88–111
6	Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân	39–71	112–217

Mục 1. Vi phạm quy định về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng

Điều 9. Cung cấp, chia sẻ thông tin trên không gian mạng có nội dung vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
1	Chia sẻ thông tin cổ súy xâm hại an ninh, trật tự; đe dọa, kích động mâu thuẫn hoặc tụ tập đông người; chia sẻ thông tin lịch sử, truyền thống cách mạng chưa kiểm chứng.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ, xóa thông tin vi phạm; cải chính thông tin sai sự thật.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 9 KP: điểm a, b khoản 3	☐
2	Chia sẻ thông tin sai về chủ quyền, an ninh, quốc phòng; thông tin không phù hợp về biểu tượng, danh nhân, dân tộc, tín ngưỡng, giới; tạo, đăng, chia sẻ thông tin giả mạo gây ảnh hưởng an ninh, trật tự.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ, xóa thông tin vi phạm; cải chính thông tin sai sự thật.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 9 KP: điểm a, b khoản 3	☐
3	Chia sẻ thông tin sai sự thật, xuyên tạc làm ảnh hưởng hoạt động bình thường hoặc uy tín cơ quan, tổ chức, chính quyền.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ, xóa thông tin vi phạm; cải chính thông tin sai sự thật.	Phạt: Điểm đ khoản 2 Điều 9 KP: điểm a, b khoản 3	☐

Điều 10. Làm ra và phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
4	Chia sẻ thông tin sản phẩm, hàng hóa, giấy tờ có giá thiếu chính xác; quảng bá sản phẩm, dịch vụ, thiết bị khám chữa bệnh chưa được xác nhận hoặc cho phép.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ, xóa và cải chính thông tin; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 10 KP: điểm a, c, d khoản 5	☐
5	Đăng thông tin giao dịch tài khoản số trái phép, hàng hóa hoặc dịch vụ bị cấm; quảng cáo, giao dịch tiền giả, giấy tờ có giá giả, phương tiện thanh toán giả.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ, xóa và cải chính thông tin; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 10 KP: điểm a, c, d khoản 5	☐
6	Lập website, mạng xã hội, tài khoản, hội nhóm, diễn đàn để đăng, phát tán, hướng dẫn việc chia sẻ thông tin sản phẩm, hàng hóa, giấy tờ có giá thiếu chính xác, quảng bá sản phẩm khám chữa bệnh chưa được phép; giao dịch tài khoản số trái phép, hàng hóa hoặc dịch vụ bị cấm, tiền giả, giấy tờ có giá giả, phương tiện thanh toán giả.	40–60 triệu đồng	BS: Đình chỉ hoạt động 01–03 tháng. KP: Buộc gỡ, xóa và cải chính thông tin; Buộc thu hồi hoặc hoàn trả tên miền; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: khoản 3 Điều 10 BS: khoản 4 KP: điểm a, b, c, d khoản 5	☐

Điều 11. Làm ra và phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung sai sự thật, chưa được kiểm chứng gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng tới trật tự xã hội

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
7	Chia sẻ thông tin trái thuần phong, mỹ tục; khuyến khích vi phạm; phương pháp khám chữa bệnh chưa được phép; khuyến nghị thay đổi hoặc bỏ phác đồ mà không có khuyến cáo chuyên môn phù hợp.	10–20 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa và cải chính thông tin; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 11 BS: điểm a khoản 5 KP: điểm a, c, d khoản 6	☐
8	Làm ra, phát tán thông tin sai hoặc chưa kiểm chứng gây ảnh hưởng quyền lợi; nội dung trái thuần phong, mỹ tục, khuyến khích vi phạm; phương pháp khám chữa bệnh chưa được phép hoặc xác nhận.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa và cải chính thông tin; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 11 BS: điểm a khoản 5 KP: điểm a, c, d khoản 6	☐
9	Làm ra, phát tán khuyến nghị thay đổi, trì hoãn hoặc không áp dụng phác đồ khám chữa bệnh đã được công nhận mà không có khuyến cáo chuyên môn phù hợp.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa và cải chính thông tin; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp.	Phạt: Điểm đ khoản 2 Điều 11 BS: điểm a khoản 5 KP: điểm a, c, d khoản 6	☐
10	Lập, quản trị website, mạng xã hội, tài khoản, hội nhóm, diễn đàn để đăng, hướng dẫn nội dung sai hoặc chưa kiểm chứng gây ảnh hưởng; trái thuần phong, mỹ tục; khuyến khích vi phạm; phương pháp khám chữa bệnh chưa được phép, xác nhận; khuyến nghị thay đổi, trì hoãn, bỏ phác đồ được công nhận mà thiếu khuyến cáo chuyên môn phù hợp.	40–60 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện; Đình chỉ hoạt động 01–03 tháng. KP: Buộc gỡ, xóa và cải chính thông tin; Buộc thu hồi hoặc hoàn trả tên miền; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp.	Phạt: khoản 3 Điều 11 BS: điểm a, b khoản 5 KP: điểm a, b, c, d khoản 6	☐

Điều 12. Vi phạm quy định về trách nhiệm ngăn chặn, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung vi phạm pháp luật

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
11	Không triển khai biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, gỡ hoặc xóa thông tin vi phạm trên hệ thống, trang hoặc tài khoản thuộc phạm vi quản lý, điều hành, chi phối.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ, xóa thông tin vi phạm.	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 12 KP: điểm a khoản 5	☐
12	Không xử lý thông tin vi phạm hoặc không cung cấp thông tin, tài liệu về vi phạm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	40–60 triệu đồng	BS: Đình chỉ hoạt động 01–03 tháng. KP: Buộc gỡ, xóa thông tin vi phạm; Buộc thu hồi hoặc hoàn trả tên miền (điểm b).	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 12 BS: khoản 4 KP: điểm a, b khoản 5	☐
13	Không bố trí cổng kết nối, điều kiện kỹ thuật; không ngừng dịch vụ trong các trường hợp luật định; không chặn truy cập hoặc nâng cấp hệ thống ngăn chặn nội dung, nền tảng vi phạm theo yêu cầu.	60–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ hoạt động 01–03 tháng. KP: Buộc gỡ, xóa thông tin vi phạm.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 12 BS: khoản 4 KP: điểm a khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
14	Không chấp hành huy động hạ tầng Internet khi xử lý tình huống nguy hiểm; không cung cấp thông tin phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo yêu cầu.	60–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ hoạt động 01–03 tháng. KP: Buộc gỡ, xóa thông tin vi phạm.	Phạt: Điểm đ, e khoản 3 Điều 12 BS: khoản 4 KP: điểm a khoản 5	☐

Điều 13. Vi phạm quy định về bảo vệ thông tin thuộc bí mật cá nhân, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
15	Đưa thông tin bí mật, đời tư lên mạng gây ảnh hưởng quyền lợi; không thực hiện yêu cầu phòng chống gián điệp mạng; thay đổi, hủy hoặc vô hiệu hóa trái phép biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện (điểm a, c); Đình chỉ hoạt động 01–03 tháng (điểm b, c). KP: Buộc xây dựng, áp dụng biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước, phòng chống lộ, mất qua kênh kỹ thuật; Buộc tiêu hủy sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, phần mềm gây lộ, mất bí mật nhà nước, không bảo đảm an ninh mạng; tài liệu, vật chứa bí mật áp dụng Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (điểm a, c); Buộc kiểm tra an ninh mạng lại sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, phần mềm phục vụ bảo vệ bí mật nhà nước (điểm a); Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định (điểm a).	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 13 BS: điểm a, b khoản 2 KP: điểm a, b, c, d khoản 3	☐

Điều 14. Vi phạm quy định về phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để xâm phạm trật tự quản lý kinh tế nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
16	Bán, cho thuê, cho mượn hoặc tặng thông tin tài khoản số có chức năng giao dịch tài chính của mình.	10–20 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện, tiền trong tài khoản số. KP: Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: khoản 1 Điều 14 BS: khoản 7 KP: điểm b khoản 8	☐
17	Dùng danh tính, giấy tờ giả hoặc thông tin người khác trái phép để lập doanh nghiệp, tài khoản; trung gian giao dịch tài chính, cung cấp xác thực khi chưa được phép; giao dịch ngoại tệ trái phép qua tài khoản số.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 14 KP: điểm b khoản 8	☐
18	Lập giao diện điện tử gây nhầm lẫn chủ thể; cung cấp nội dung số vi phạm sở hữu trí tuệ; dùng thông tin xác thực, đăng nhập, quyền truy cập sai quy định; vận hành nền tảng không đủ điều kiện.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ, xóa thông tin (điểm b); Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 14 KP: điểm a, b khoản 8	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
19	Cung cấp thông tin, quảng cáo hoặc kinh doanh hàng hóa không phù hợp quy định về thương mại, chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ, điều kiện lưu thông.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ, xóa thông tin; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm đ khoản 3 Điều 14 KP: điểm a, b khoản 8	☐
20	Vận hành nền tảng cho vay ngang hàng, tiền ảo, tài sản ảo hoặc giao dịch ngoại tệ, kim loại, dầu, đá quý chưa được phép; gửi tin nhắn, cuộc gọi, email dùng thông tin nhận diện cơ quan, tổ chức sai quy định.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 4 Điều 14 KP: điểm b khoản 8	☐
21	Can thiệp sai lệch thông tin giao dịch; huy động, phân phối vốn thiếu minh bạch hoặc sai quy định; kinh doanh đa cấp không đủ điều kiện; thực hiện giao dịch chứng khoán trên mạng sai quy định.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 14 KP: điểm b khoản 8	☐
22	Vận động, tiếp nhận, quản lý, phân phối đóng góp cộng đồng thiếu công khai, minh bạch; dùng thông tin tài khoản số, mạng xã hội, tài khoản điện tử không đúng thẩm quyền hoặc chưa được đồng ý.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm đ, e khoản 5 Điều 14 KP: điểm b khoản 8	☐
23	Mở tài khoản số sai thủ tục, duy trì tài khoản tài chính bằng định danh giả hoặc không có dữ liệu định danh theo quy định; mở tài khoản cho người thuộc danh sách bị cấm.	140–200 triệu đồng	BS: — KP: Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b khoản 6 Điều 14 KP: điểm b khoản 8	☐

Điều 15. Vi phạm quy định phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử xâm phạm trật tự xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
24	Quảng bá trò chơi đổi thưởng trái quy định; dùng nhận diện cơ quan, tổ chức không bảo đảm xác thực; chia sẻ nội dung tín ngưỡng, tâm linh không phù hợp; cổ vũ đua xe trái phép.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa thông tin; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 15 BS: khoản 3 KP: điểm a, d, đ khoản 4	☐
25	Quảng bá động vật hoang dã sai quy định; đăng nội dung khiêu dâm, đồi trụy; livestream trái chuẩn mực; lập nền tảng đăng thông tin dịch vụ không phù hợp pháp luật.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa thông tin; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 1 Điều 15 BS: khoản 3 KP: điểm a, d, đ khoản 4	☐
26	Đăng, chia sẻ phim, truyền hình, âm nhạc, sự kiện; sao chép, phân phối phần mềm; dùng AI tạo sản phẩm hoặc khai thác tác phẩm gốc chưa bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa thông tin; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 15 BS: khoản 3 KP: điểm a, d, đ khoản 4	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
27	Cung cấp công cụ can thiệp cơ chế quản lý bản quyền; thiết bị, phần mềm giải mã truyền hình không đủ điều kiện; hướng dẫn truy cập nền tảng đã bị giới hạn phạm vi truy cập.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa thông tin; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm n, o, p khoản 1 Điều 15 BS: khoản 3 KP: điểm a, d, đ khoản 4	☐
28	Vận hành nền tảng đổi thưởng không đủ điều kiện; cung cấp dịch vụ công nghệ vi phạm sở hữu trí tuệ; lập nền tảng quảng cáo mại dâm, khiêu dâm, đồi trụy; tổ chức quay, phát trực tuyến nội dung khiêu dâm, đồi trụy.	40–60 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm, thiết bị; ngừng dịch vụ gây hại, không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn, không phép hoặc sai giấy phép; Buộc loại bỏ tính năng, thành phần gây hại của chương trình, sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, phần mềm; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 15 BS: khoản 3 KP: điểm b, c, d, đ khoản 4	☐
29	Cung cấp công nghệ hỗ trợ nội dung khiêu dâm, đồi trụy; không kiểm duyệt, loại bỏ nội dung vi phạm; đăng thông tin hàng hóa, chất, sản phẩm bị cấm hoặc mua bán mô, bộ phận cơ thể trái quy định.	40–60 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm, thiết bị; ngừng dịch vụ gây hại, không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn, không phép hoặc sai giấy phép; Buộc loại bỏ tính năng, thành phần gây hại của chương trình, sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, phần mềm; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 2 Điều 15 BS: khoản 3 KP: điểm b, c, d, đ khoản 4	☐
30	Chia sẻ hướng dẫn vi phạm; quảng bá cho vay sai quy định; đăng thông tin mua bán vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trang phục, cấp hiệu, phù hiệu, số hiệu Công an, Quân đội; cung cấp thanh toán cho nội dung khiêu dâm, đồi trụy, mại dâm.	40–60 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm, thiết bị; ngừng dịch vụ gây hại, không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn, không phép hoặc sai giấy phép; Buộc loại bỏ tính năng, thành phần gây hại của chương trình, sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, phần mềm; Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm i, k, l, m khoản 2 Điều 15 BS: khoản 3 KP: điểm b, c, d, đ khoản 4	☐

Mục 2. Vi phạm quy định về phòng, chống tấn công mạng

Điều 16. Vi phạm quy định về phòng, chống tấn công mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
31	Cung cấp, sử dụng chương trình gây ảnh hưởng hệ thống; đưa mã lệnh ảnh hưởng quản lý dữ liệu; can thiệp truyền tải hoặc truy cập, tác động dữ liệu trái thẩm quyền, quy định.	40–60 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc thu hồi sản phẩm, thiết bị; ngừng dịch vụ gây hại an ninh mạng; Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu bị chiếm đoạt, mua bán, trao đổi trái phép (điểm a, b); Buộc hoàn trả IP, ASN, tên miền, tài khoản số; Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 16 BS: điểm a khoản 3 KP: điểm a, b, c, đ khoản 4	☐
32	Khai thác dữ liệu, thử nghiệm lỗ hổng sai quy định; gây ảnh hưởng hoạt động bình thường của mạng, thiết bị; không cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về tấn công mạng theo yêu cầu.	40–60 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc thu hồi sản phẩm, thiết bị; ngừng dịch vụ gây hại an ninh mạng; Buộc hoàn trả IP, ASN, tên miền, tài khoản số (điểm đ, e); Buộc thu hồi số lợi bất hợp pháp (điểm đ); Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm đ, e, g khoản 1 Điều 16 BS: điểm a khoản 3 KP: điểm a, c, d, đ khoản 4	☐
33	Sản xuất, mua bán, trao đổi, tặng phần mềm gây hại; không phối hợp ngăn chặn, loại trừ tấn công mạng; cung cấp dịch vụ tấn công mạng trái pháp luật.	60–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc thu hồi sản phẩm, thiết bị; ngừng dịch vụ gây hại an ninh mạng; Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu bị chiếm đoạt, mua bán, trao đổi trái phép (điểm a); Buộc hoàn trả IP, ASN, tên miền, tài khoản số (điểm a, c); Buộc thu hồi số lợi bất hợp pháp (điểm a); Buộc nộp số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 16 BS: điểm a khoản 3 KP: điểm a, b, c, d, đ khoản 4	☐

Điều 17. Vi phạm quy định về phòng, chống khủng bố mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
34	Chia sẻ nội dung ủng hộ, quảng bá khủng bố; kêu gọi, hướng dẫn vi phạm an ninh, an toàn mạng; cổ vũ bạo lực, cực đoan hoặc gây ảnh hưởng an ninh, trật tự.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa chương trình, phần mềm; thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm, thiết bị; ngừng dịch vụ gây hại; Buộc đưa ra khỏi Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện; Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu bị chiếm đoạt, mua bán, trao đổi trái phép; Buộc xóa bỏ, cải chính thông tin sai hoặc gây nhầm lẫn; Buộc thu hồi sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, phần mềm không bảo đảm chất lượng; Buộc thu hồi thuê bao, đầu số, kho số, tài nguyên Internet, IP, ASN, tên miền, mã quản lý, số dịch vụ; hoàn trả IP, ASN, tên miền, tài khoản số; Buộc thu hồi số lợi bất hợp pháp.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 17 BS: điểm a khoản 3 KP: điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 4	☐
35	Hỗ trợ, huy động tài chính khủng bố trái quy định; hỗ trợ né tránh biện pháp an ninh mạng; cung cấp thông tin sai hoặc gây ảnh hưởng hoạt động phòng chống khủng bố.	40–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc gỡ, xóa chương trình, phần mềm; thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm, thiết bị; ngừng dịch vụ gây hại; Buộc đưa ra khỏi Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện; Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu bị chiếm đoạt, mua bán, trao đổi trái phép; Buộc xóa bỏ, cải chính thông tin sai hoặc gây nhầm lẫn; Buộc thu hồi sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, phần mềm không bảo đảm chất lượng; Buộc thu hồi thuê bao, đầu số, kho số, tài nguyên Internet, IP, ASN, tên miền, mã quản lý, số dịch vụ; hoàn trả IP, ASN, tên miền, tài khoản số; Buộc thu hồi số lợi bất hợp pháp.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 17 BS: điểm a khoản 3 KP: điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 4	☐

Điều 18. Vi phạm quy định về phòng ngừa, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
36	Không phối hợp gỡ nội dung kích động chậm nhất 24 giờ; không thực hiện hoặc phối hợp quá 24 giờ trong triển khai giải pháp, xử lý tình huống nguy hiểm, ứng phó khẩn cấp theo yêu cầu.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc áp dụng biện pháp kỹ thuật, quản lý để ngăn chặn, khắc phục nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 18 KP: khoản 2	☐
37	Không thực hiện hoặc phối hợp quá 24 giờ về thu thập, giám sát thông tin, ngừng cung cấp thông tin hoặc ngắt kết nối quốc tế; không bố trí lực lượng, phương tiện xử lý tình huống nguy hiểm.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc áp dụng biện pháp kỹ thuật, quản lý để ngăn chặn, khắc phục nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng.	Phạt: Điểm đ, e, g khoản 1 Điều 18 KP: khoản 2	☐

Mục 3. Vi phạm quy định về triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng

Điều 19. Vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng trái phép thông tin trên mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
38	Truy cập trái phép mạng, thiết bị; xâm nhập, sửa, xóa thông tin; cản trở dịch vụ hoặc ngăn truy nhập thông tin trái quy định.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 19	☐
39	Làm mất an toàn, bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân khác được trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ trên mạng.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm đ khoản 1 Điều 19	☐

Điều 20. Vi phạm quy định về quản lý gửi thông tin trên mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
40	Gửi thông tin thương mại khi chưa được đồng ý hoặc đã bị từ chối; không có phương thức từ chối nhận thông tin.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc loại bỏ thông tin vi phạm đã gửi, phát tán (điểm a).	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 20 KP: khoản 4	☐
41	Giả mạo nguồn gửi thông tin; không cung cấp điều kiện kỹ thuật, nghiệp vụ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 20	☐
42	Không ngăn chặn hoặc xử lý việc gửi thông tin vi phạm pháp luật sau khi nhận thông báo của tổ chức, cá nhân.	100–150 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: khoản 3 Điều 20	☐

Điều 21. Vi phạm các quy định về ứng cứu sự cố an ninh mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
43	Không công bố địa chỉ tiếp nhận sự cố; không khai báo, cập nhật đầu mối và nhân lực ứng cứu; vi phạm quy chế mạng lưới hoặc yêu cầu điều phối ứng cứu.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục hệ thống về trạng thái ban đầu; thu hồi, loại bỏ dữ liệu, thông tin hoặc kết nối gây mất an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 21 KP: điểm a, b khoản 5	☐
44	Không báo cáo khi phát hiện, tiếp nhận sự cố; không triển khai ứng cứu và báo cáo sau khi phát hiện sự cố hoặc nhận yêu cầu.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục hệ thống về trạng thái ban đầu; thu hồi, loại bỏ dữ liệu, thông tin hoặc kết nối gây mất an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 21 KP: điểm a, b khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
45	Không báo cáo diễn biến sự cố theo yêu cầu; không lập hoặc chỉ định đơn vị, đội ứng cứu; không ghi nhận, tiếp nhận, báo cáo đúng quy trình; không lập kế hoạch ứng phó.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục hệ thống về trạng thái ban đầu; thu hồi, loại bỏ dữ liệu, thông tin hoặc kết nối gây mất an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 21 KP: điểm a, b khoản 5	☐
46	Thực hiện không đầy đủ yêu cầu điều phối ứng cứu sự cố của Bộ Công an.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục hệ thống về trạng thái ban đầu; thu hồi, loại bỏ dữ liệu, thông tin hoặc kết nối gây mất an ninh mạng.	Phạt: Điểm đ khoản 3 Điều 21 KP: điểm a, b khoản 5	☐
47	Không cử đầu mối, tham gia mạng lưới; không thực hiện yêu cầu điều phối; không bố trí mặt bằng, kết nối, điều kiện kỹ thuật; không tổ chức ứng cứu trong phạm vi quản lý.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục hệ thống về trạng thái ban đầu; thu hồi, loại bỏ dữ liệu, thông tin hoặc kết nối gây mất an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 21 KP: điểm a, b khoản 5	☐
48	Không phối hợp khôi phục hoạt động, dữ liệu, kết nối hoặc trong thời gian chưa xử lý triệt để sự cố; không xử lý hậu quả; không lưu trữ, cung cấp thông tin IP, máy chủ, IoT, nhật ký, DNS.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục hệ thống về trạng thái ban đầu; thu hồi, loại bỏ dữ liệu, thông tin hoặc kết nối gây mất an ninh mạng.	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 4 Điều 21 KP: điểm a, b khoản 5	☐
49	Không tạo môi trường quan trắc, lấy mẫu, cung cấp luồng dữ liệu; không có đầu mối 24/7 hoặc nguồn lực ứng cứu khi nguồn tấn công xuất phát từ thuê bao của doanh nghiệp hoặc khi được yêu cầu.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục hệ thống về trạng thái ban đầu; thu hồi, loại bỏ dữ liệu, thông tin hoặc kết nối gây mất an ninh mạng.	Phạt: Điểm i, k khoản 4 Điều 21 KP: điểm a, b khoản 5	☐

Điều 22. Vi phạm quy định về phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý phần mềm độc hại

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
50	Không quản lý, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn phát tán phần mềm độc hại; không báo cáo về hệ thống lọc phần mềm độc hại theo quy định.	30–60 triệu đồng	BS: Tái phạm: tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội 01–03 tháng. KP: Buộc khôi phục hệ thống; khắc phục mất an ninh mạng; loại bỏ, tiêu hủy phần mềm, mã, dữ liệu độc hại phát tán trái phép.	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 22 BS: khoản 3 KP: điểm a, b, c khoản 4	☐
51	Không có hệ thống lọc phần mềm độc hại; không phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý theo yêu cầu; không triển khai hệ thống kỹ thuật nghiệp vụ xử lý kịp thời.	60–100 triệu đồng	BS: Tái phạm: tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội 01–03 tháng. KP: Buộc khôi phục hệ thống; khắc phục mất an ninh mạng; loại bỏ, tiêu hủy phần mềm, mã, dữ liệu độc hại phát tán trái phép.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 22 BS: khoản 3 KP: điểm a, b, c khoản 4	☐

Điều 23. Vi phạm quy định về biện pháp giám sát an toàn, bảo vệ hệ thống thông tin

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
52	Không ban hành quy định an ninh mạng; không lập hồ sơ, vận hành khi chưa phê duyệt hoặc không triển khai đầy đủ biện pháp theo hồ sơ được phê duyệt đối với hệ thống cấp độ 3–5.	40–60 triệu đồng	BS: Tái phạm: tước quyền sử dụng Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp 01–06 tháng. KP: Buộc khôi phục hệ thống; khắc phục mất hoặc nguy cơ mất an ninh mạng; loại bỏ yếu tố vi phạm trong vòng đời hệ thống.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 23 BS: khoản 3 KP: điểm a, b, c khoản 4	☐
53	Không kiểm tra, giám sát, lưu nhật ký, đánh giá biện pháp; không phối hợp chủ quản; không tổ chức thực thi; cản trở hoặc không trao đổi dữ liệu giám sát với lực lượng chuyên trách.	60–100 triệu đồng	BS: Tái phạm: tước quyền sử dụng Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp 01–06 tháng. KP: Buộc khôi phục hệ thống; khắc phục mất hoặc nguy cơ mất an ninh mạng; loại bỏ yếu tố vi phạm trong vòng đời hệ thống.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 23 BS: khoản 3 KP: điểm a, b, c khoản 4	☐

Điều 24. Vi phạm quy định về bảo đảm an ninh hệ thống thông tin theo cấp độ

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
54	Không lập hồ sơ đề xuất cấp độ hoặc không tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ theo quy định.	40–60 triệu đồng	BS: Tái phạm: tước quyền sử dụng Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp 01–03 tháng. KP: Buộc khôi phục hệ thống; khắc phục nguy cơ mất an ninh mạng; loại bỏ yếu tố vi phạm.	Phạt: khoản 1 Điều 24 BS: khoản 3 KP: điểm a, b, c khoản 4	☐
55	Không thực hiện mở rộng hoặc nâng cấp hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trước khi vận hành, khai thác.	60–100 triệu đồng	BS: Tái phạm: tước quyền sử dụng Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp 01–03 tháng. KP: Buộc khôi phục hệ thống; khắc phục nguy cơ mất an ninh mạng; loại bỏ yếu tố vi phạm.	Phạt: khoản 2 Điều 24 BS: khoản 3 KP: điểm a, b, c khoản 4	☐

Điều 25. Vi phạm quy định về ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
56	Không thông báo, cung cấp đầy đủ hoặc tiếp nhận, xử lý thông tin xung đột trên mạng; không phối hợp xác định nguồn gốc, loại trừ xung đột.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 25 KP: điểm b khoản 5	☐
57	Không chặn lọc, ngăn thông tin phá hoại hoặc hợp tác xử lý tấn công; không lập phương án khắc phục hoặc báo cáo kết quả xử lý xung đột thông tin.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc ngăn chặn, chặn lọc, loại trừ, khắc phục xung đột thông tin; Buộc khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 25 KP: điểm a, b khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
58	Không phối hợp khắc phục xung đột thông tin trên mạng.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc ngăn chặn, chặn lọc, loại trừ, khắc phục xung đột thông tin; Buộc khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống.	Phạt: Điểm đ khoản 2 Điều 25 KP: điểm a, b khoản 5	☐
59	Không khắc phục xung đột thông tin trên mạng thuộc phạm vi quản lý.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc ngăn chặn, chặn lọc, loại trừ, khắc phục xung đột thông tin; Buộc khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống.	Phạt: khoản 3 Điều 25 KP: điểm a, b khoản 5	☐
60	Không hợp tác xác định nguồn gốc hoặc không khắc phục hậu quả xung đột thông tin trên mạng.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc ngăn chặn, chặn lọc, loại trừ, khắc phục xung đột thông tin; Buộc khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống.	Phạt: khoản 4 Điều 25 KP: điểm a, b khoản 5	☐

Điều 26. Vi phạm quy định về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
61	Không rà soát xác lập hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; không gửi, chuyển hồ sơ xác lập danh mục hoặc hồ sơ thẩm định theo phân cấp.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 26 KP: điểm a khoản 5	☐
62	Không thẩm định an ninh mạng làm cơ sở quyết định xây dựng hoặc nâng cấp hệ thống đủ tiêu chí quan trọng về an ninh quốc gia.	60–80 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia; Buộc cải chính kết quả thẩm định, đánh giá, kiểm tra, chứng nhận an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 26 KP: điểm a, b khoản 5	☐
63	Với hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia: không đánh giá trước vận hành; không xây dựng quy trình, bố trí nhân sự, phương án ứng phó hoặc biện pháp kỹ thuật bảo vệ.	80–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia; Buộc cải chính kết quả thẩm định, đánh giá, kiểm tra, chứng nhận an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 26 KP: điểm a, b khoản 5	☐
64	Với hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia: không bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an ninh vật lý; không kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp kiểm tra, giám sát.	80–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia; Buộc cải chính kết quả thẩm định, đánh giá, kiểm tra, chứng nhận an ninh mạng.	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 3 Điều 26 KP: điểm a, b khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
65	Với hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia: không ứng phó, khắc phục sự cố; không báo cáo kịp thời sự cố nghiêm trọng; không thực hiện biện pháp xử lý trong 24 giờ từ khi nhận thông báo.	80–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia; Buộc cải chính kết quả thẩm định, đánh giá, kiểm tra, chứng nhận an ninh mạng.	Phạt: Điểm i, k, l khoản 3 Điều 26 KP: điểm a, b khoản 5	☐
66	Với hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia: không kiểm tra hằng năm hoặc theo yêu cầu; không thông báo kết quả bằng văn bản; quá hạn khắc phục điểm yếu, lỗ hổng theo khuyến cáo.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia; Buộc cải chính kết quả thẩm định, đánh giá, kiểm tra, chứng nhận an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 26 KP: điểm a, b khoản 5	☐
67	Với hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia: vi phạm quy trình, phương án; quy định nhân sự; điều kiện thiết bị, phần cứng, phần mềm; biện pháp kỹ thuật hoặc an ninh vật lý.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống quan trọng về an ninh quốc gia; Buộc cải chính kết quả thẩm định, đánh giá, kiểm tra, chứng nhận an ninh mạng.	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 4 Điều 26 KP: điểm a, b khoản 5	☐

Điều 27. Vi phạm quy định về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin không thuộc Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
68	Với hệ thống ngoài danh mục quan trọng về an ninh quốc gia: không phối hợp bảo vệ, thông báo vi phạm đối với hệ thống cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị hoặc thực hiện yêu cầu khắc phục.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng theo quy định.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 27 KP: khoản 2	☐

Điều 28. Vi phạm quy định về bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối mạng quốc tế

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
69	Với hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối quốc tế: không phối hợp giám sát, cung cấp dữ liệu theo yêu cầu bằng văn bản; không bố trí điều kiện kỹ thuật hoặc thực hiện biện pháp bảo vệ.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng theo quy định.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 28 KP: khoản 2	☐

Điều 29. Vi phạm quy định về bảo đảm an ninh thông tin mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
70	Không xác thực người dùng khi đăng ký tài khoản số; không bảo mật thông tin, tài khoản người dùng.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh thông tin mạng.	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 29 KP: điểm a khoản 3	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
71	Không gỡ nội dung vi phạm trong 24 giờ, khẩn cấp 06 giờ; cung cấp dịch vụ cho chủ thể đăng nội dung vi phạm hoặc không dừng theo yêu cầu; không bảo vệ, lưu dữ liệu tại Việt Nam; doanh nghiệp nước ngoài không đặt hiện diện theo quy định.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh thông tin mạng; Buộc ngừng dịch vụ hoặc kết nối viễn thông, Internet tại Việt Nam; xóa khỏi kho ứng dụng số cho thị trường Việt Nam (điểm a).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 29 KP: điểm a, b, c khoản 3	☐

Điều 30. Vi phạm quy định về phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng trong điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
72	Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin người dùng quá 24 giờ khi có yêu cầu bằng văn bản mà không có lý do chính đáng; không thực hiện yêu cầu quản lý dịch vụ, phòng ngừa, xử lý nội dung vi phạm.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh thông tin mạng.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 30 KP: khoản 2	☐

Điều 31. Vi phạm quy định về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
73	Không kiểm soát, ngăn chia sẻ, xóa nội dung gây hại trẻ em; không cảnh báo sản phẩm, dịch vụ; không phát hiện, xác định, ngăn trẻ em trực tiếp lập, dùng tài khoản bằng thông tin của mình.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo vệ trẻ em trên mạng.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 31 KP: điểm a khoản 5	☐
74	Không xây dựng tính năng để cha mẹ, người giám hộ tạo, quản lý tài khoản cho trẻ em; không vô hiệu hóa, hủy tài khoản trẻ em tự tạo theo yêu cầu của cơ quan chức năng.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo vệ trẻ em trên mạng.	Phạt: Điểm đ, e khoản 1 Điều 31 KP: điểm a khoản 5	☐
75	Đăng, phát tán, lưu trữ, trao đổi, sử dụng nội dung khiêu dâm, đồi trụy, bạo lực liên quan trẻ em; đăng thông tin xúc phạm hoặc ảnh hưởng sức khỏe, phát triển tâm sinh lý trẻ em.	100–140 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc xóa, cải chính thông tin; Buộc thu hồi thuê bao, đầu số, kho số, tài nguyên Internet, IP, ASN, tên miền, mã quản lý, số dịch vụ; hoàn trả IP, ASN, tên miền, tài khoản số; Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp hoặc số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy.	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 31 BS: điểm a khoản 4 KP: điểm b, c, d khoản 5	☐
76	Không phối hợp bảo đảm quyền trẻ em; kích động, dụ dỗ, ép buộc trẻ em theo dõi, phát tán nội dung gây hại hoặc tham gia hoạt động vi phạm.	140–200 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b khoản 3 Điều 31	☐

Điều 32. Vi phạm quy định về thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
77	Doanh nghiệp dịch vụ mạng, chủ quản hệ thống không xóa thông tin trái pháp luật, sai sự thật; không đình chỉ, ngừng hệ thống hoặc thu hồi tên miền theo đề nghị của lực lượng chuyên trách.	50–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh mạng; thu hồi tên miền.	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 32 BS: khoản 2 KP: điểm a, b khoản 3	☐

Điều 33. Vi phạm quy định về lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
78	Không lưu hoặc lưu không đủ dữ liệu nhạy cảm về an ninh quốc gia; không thực hiện quyết định lưu dữ liệu, đặt chi nhánh, văn phòng đại diện; không bảo đảm thời gian lưu nhật ký theo quy định.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc lưu dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam; ngừng dịch vụ hoặc kết nối viễn thông, Internet tại Việt Nam.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 33 KP: điểm a, b khoản 3	☐

Mục 4. Vi phạm quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng

Điều 34. Vi phạm quy định về xác thực, định danh, bảo mật tài khoản số

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
79	Không xác thực, định danh tài khoản bắt buộc hoặc dùng giấy tờ không hợp pháp; không cảnh báo giao dịch; không lưu thiết bị, IP, đăng nhập tối thiểu 90 ngày; không dừng giao dịch, phong tỏa khi thuộc trường hợp luật định.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 34 KP: khoản 3	☐
80	Định danh điện tử sai chủ tài khoản giao dịch tài chính; không lưu vết xác thực, nhật ký truy cập hoặc không có cơ chế phát hiện bất thường.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.	Phạt: Điểm đ, e khoản 1 Điều 34 KP: khoản 3	☐
81	Dùng giấy tờ người khác, giấy tờ giả, hình ảnh cắt ghép hoặc AI, Deepfake giả mạo sinh trắc học để xác thực tài khoản trái phép.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 34 KP: khoản 3	☐

Điều 35. Vi phạm quy định về kinh doanh trong lĩnh vực an ninh mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
82	Doanh nghiệp an ninh mạng không quản lý hồ sơ kỹ thuật; không lập, lưu, bảo mật thông tin khách hàng; không báo cáo kinh doanh, xuất nhập khẩu theo quy định.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 35	☐
83	Doanh nghiệp an ninh mạng không cấp đổi, cấp lại giấy phép khi thuộc trường hợp quy định; không từ chối cung cấp khi phát hiện vi phạm; không tạm ngừng, ngừng cung cấp theo yêu cầu.	60–100 triệu đồng	BS: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng 03–06 tháng (điểm a). KP: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (điểm c, d).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 35 BS: khoản 5 KP: khoản 6	☐
84	Đưa sản phẩm an ninh mạng lưu thông khi chưa thực hiện chứng nhận, công bố, dùng dấu hợp quy theo quy định; cung cấp dịch vụ sai nội dung giấy phép.	60–100 triệu đồng	BS: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng 03–06 tháng (điểm e). KP: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp.	Phạt: Điểm đ, e khoản 2 Điều 35 BS: khoản 5 KP: khoản 6	☐
85	Doanh nghiệp an ninh mạng không duy trì điều kiện cấp phép; không phối hợp, tạo điều kiện triển khai biện pháp nghiệp vụ theo yêu cầu.	100–150 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b khoản 3 Điều 35	☐
86	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng không giấy phép, gây phương hại quốc phòng, an ninh, trật tự; khai sai hoặc giả mạo thông tin xin giấy phép.	150–200 triệu đồng	BS: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng 03–06 tháng (điểm b). KP: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 4 Điều 35 BS: khoản 5 KP: khoản 6	☐

Điều 36. Vi phạm quy định về nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
87	Nhập khẩu sản phẩm an ninh mạng thuộc danh mục phải có giấy phép khi chưa có phép; khai sai hoặc giả mạo thông tin xin giấy phép nhập khẩu.	150–200 triệu đồng	BS: Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng 01–03 tháng. KP: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp; thu hồi sản phẩm an ninh mạng.	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 36 BS: khoản 2 KP: điểm a, b khoản 3	☐

Mục 5. Vi phạm quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác

Điều 37. Vi phạm quy định liên quan tới thư điện tử, tin nhắn cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
88	Gửi email, tin nhắn, gọi quảng cáo khi chưa có sự đồng ý; gắn nhãn email, tin nhắn quảng cáo sai hoặc thiếu; gọi quảng cáo cho người không đồng ý trong hồ sơ.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thu hồi số điện thoại.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 37 KP: điểm c khoản 9	☐
89	Gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo khi đã bị từ chối hoặc không được trả lời; gửi tin nhắn quảng cáo cho người đã từ chối.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thu hồi số điện thoại.	Phạt: Điểm đ, e khoản 1 Điều 37 KP: điểm c khoản 9	☐
90	Không gắn nhãn quảng cáo; không lưu thông tin đăng ký, từ chối, xác nhận tối thiểu 01 năm; gửi tin, gọi quảng cáo chưa được cấp tên định danh hoặc bằng số điện thoại.	40–60 triệu đồng	BS: Đình chỉ quyền sử dụng tên định danh 01–03 tháng (điểm a, b). KP: —	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 37 BS: điểm b khoản 8	☐
91	Không có cơ chế miễn phí tiếp nhận phản ánh thư rác; không bảo vệ email khỏi mất mát, ngăn chặn; không phối hợp chống thư rác; không xác nhận yêu cầu từ chối đúng quy định.	60–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với khách hàng mới 01–03 tháng (điểm c, d); Đình chỉ quyền sử dụng tên định danh 01–03 tháng (điểm d). KP: —	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 37 BS: điểm a, b khoản 8	☐
92	Không giới hạn số lượng, tốc độ, tần suất hoặc ngăn tin nhắn nguy cơ mất an toàn; che giấu tên, địa chỉ gửi; không phối hợp doanh nghiệp viễn thông chống tin nhắn rác.	60–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với khách hàng mới 01–03 tháng (điểm e, h); Đình chỉ quyền sử dụng tên định danh 01–03 tháng (điểm g, h). KP: —	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 3 Điều 37 BS: điểm a, b khoản 8	☐
93	Không ngăn tin nhắn rác theo yêu cầu hoặc tin nhắn giả mạo nguồn; không ngừng dịch vụ nội dung khi khách hàng yêu cầu; thực hiện không đủ yêu cầu điều phối xử lý tin nhắn rác.	60–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ quyền sử dụng tên định danh 01–03 tháng (điểm i). KP: —	Phạt: Điểm i, k, l, m khoản 3 Điều 37 BS: điểm b khoản 8	☐
94	Vượt 03 tin nhắn, 03 email hoặc 01 cuộc gọi quảng cáo trong 24 giờ khi không có thỏa thuận khác; gửi tin quảng cáo ngoài 07–22 giờ hoặc gọi quảng cáo từ 08–17 giờ khi không có thỏa thuận; không kiểm tra đồng ý hoặc cung cấp công cụ tra cứu, lưu thỏa thuận.	60–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ quyền sử dụng tên định danh 01–03 tháng (điểm o). KP: —	Phạt: Điểm n, o, p, q khoản 3 Điều 37 BS: điểm b khoản 8	☐
95	Không hướng dẫn chống tin nhắn, cuộc gọi, thư rác; không báo cáo, báo cáo sai quy định hoặc không trung thực về tên định danh, phòng chống tin nhắn, cuộc gọi rác.	60–100 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm r, s khoản 3 Điều 37	☐
96	Không tuân thủ điều phối xử lý tin nhắn rác; không xử lý phản ánh của Bộ Công an; không hạn chế thư rác hoặc cung cấp thông tin, ngăn nguồn thư rác, phần mềm độc hại theo yêu cầu.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông (nguồn ghi “các điểm b và c khoản 4 và khoản 5”; giữ nguyên phạm vi dẫn chiếu) (điểm b, c).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 37 KP: điểm b khoản 9	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
97	Không đánh giá tình trạng tin nhắn rác theo hướng dẫn; cuộc gọi quảng cáo thiếu thông tin người gọi, đơn vị quảng cáo hoặc giá cước dịch vụ có thu cước.	100–140 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm đ, e khoản 4 Điều 37	☐
98	Không đủ hình thức từ chối; phát tán thư, tin rác, phần mềm độc hại gây hậu quả ít nghiêm trọng hoặc thực hiện cuộc gọi rác; tạo cuộc gọi nhỡ để trục lợi, quảng cáo; dùng số dịch vụ, thuê bao sai mục đích.	140–160 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với khách hàng mới 01–03 tháng; Đình chỉ quyền sử dụng tên định danh 01–03 tháng (điểm a, b). KP: Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp (điểm d); Buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông (nguồn ghi “các điểm b và c khoản 4 và khoản 5”; giữ nguyên phạm vi dẫn chiếu).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 37 BS: điểm a, b khoản 8 KP: điểm a, b khoản 9	☐
99	Mở chiều gọi đi, gửi, nhận tin cho số dịch vụ gọi tự do, giá cao; gửi tin đăng ký quảng cáo sai quy định hoặc vào Danh sách không quảng cáo; lưu nhật ký, ghi âm cuộc gọi quảng cáo thiếu hoặc không lưu.	140–160 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với khách hàng mới 01–03 tháng. KP: Buộc hoàn trả hoặc nộp lại số lợi bất hợp pháp (điểm đ); Buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông (nguồn ghi “các điểm b và c khoản 4 và khoản 5”; giữ nguyên phạm vi dẫn chiếu).	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 5 Điều 37 BS: điểm a khoản 8 KP: điểm a, b khoản 9	☐
100	Không có hệ thống tiếp nhận, xử lý từ chối quảng cáo; gửi tin nhắn quảng cáo hoặc gọi quảng cáo đến số trong Danh sách không quảng cáo.	160–180 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với khách hàng mới 01–03 tháng. KP: —	Phạt: Điểm a, b khoản 6 Điều 37 BS: điểm a khoản 8	☐
101	Không ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng phát tán tin nhắn rác, cuộc gọi rác.	180–200 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: khoản 7 Điều 37	☐

Điều 38. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ thư điện tử, tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo, dịch vụ nội dung qua tin nhắn

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
102	Nhà cung cấp không có website tên miền Việt Nam, công bố thiếu thông tin dịch vụ; không cung cấp công cụ chống, phản ánh thư rác; không chặn, lọc nguồn hoặc bảo vệ email theo quy định.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 38	☐
103	Không giám sát, rà quét máy chủ email để tránh trở thành nguồn thư rác; không báo cáo, thống kê định kỳ.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm đ, e khoản 1 Điều 38	☐
104	Không báo giá trước khi tính cước dịch vụ gọi giá cao, giải đáp; không hướng dẫn, phản hồi báo tin rác; lưu thiếu dữ liệu dịch vụ; không lập, cập nhật, chia sẻ danh sách IP, tên miền phát tán thư rác.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 38	☐
105	Đặt máy chủ gửi email sản phẩm, dịch vụ hoặc nhắn tin qua Internet ngoài Việt Nam; dùng số gửi chưa được cấp; không có hệ thống tiếp nhận, xử lý từ chối email, tin nhắn quảng cáo.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 38	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
106	Không có chức năng miễn phí tiếp nhận phản ánh; không triển khai chặn tin rác theo nguồn hoặc từ khóa; không cho doanh nghiệp được cấp mã quản lý kết nối; không lưu dữ liệu dịch vụ nội dung.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 3 Điều 38	☐
107	Không cung cấp công cụ phản ánh, ngăn tin hoặc cuộc gọi rác; không chia sẻ mẫu tin rác; không chặn IP, tên miền phát tán thư rác; không đánh giá tin, cuộc gọi rác trên mạng.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm i, k, l, m khoản 3 Điều 38	☐
108	Dùng tên định danh chưa được cấp, của chủ thể khác hoặc đã bị thu hồi; dùng tên định danh gửi tin, gọi rác hoặc cung cấp dịch vụ vi phạm theo kết luận của cơ quan nhà nước.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm n, o khoản 3 Điều 38	☐
109	Thu cước tin nhắn lỗi, không có dịch vụ, nội dung sai mã lệnh hoặc do lừa đảo; không chặn quảng cáo vào Danh sách không quảng cáo; không thu hồi địa chỉ phát tán rác theo yêu cầu; không vận hành hệ thống chống rác.	60–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ với khách hàng mới 01–03 tháng. KP: Buộc thu hồi tên định danh.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 38 BS: điểm a khoản 6 KP: khoản 7	☐
110	Không kết nối hệ thống quản lý tên định danh với hệ thống quốc gia; không thực hiện điều phối chống thư, tin nhắn, cuộc gọi rác hoặc biện pháp nghiệp vụ theo yêu cầu Bộ Công an.	60–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ với khách hàng mới 01–03 tháng. KP: Buộc thu hồi tên định danh.	Phạt: Điểm đ, e khoản 4 Điều 38 BS: điểm a khoản 6 KP: khoản 7	☐
111	Doanh nghiệp VoIP, SIP Trunk không chặn cuộc gọi thiếu Voice Brandname hợp lệ; không giám sát bất thường, xử lý khách hàng có dấu hiệu cuộc gọi rác, lừa đảo, mạo danh; không lưu hoặc cung cấp nhật ký, dữ liệu kỹ thuật kịp thời.	100–140 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ SIP Trunk, VoIP 01–03 tháng. KP: —	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 38 BS: điểm b khoản 6	☐

Mục 6. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Điều 39. Vi phạm quy định về nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân và các hành vi bị nghiêm cấm

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
112	Xử lý dữ liệu sai phạm vi, mục đích hoặc quá mức cần thiết; không bảo đảm chính xác, cập nhật; lưu quá thời gian cần thiết trái quy định; không chủ động phòng ngừa, phát hiện, phối hợp xử lý vi phạm.	20–40 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện (điểm a, c). KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu sai phạm vi, mục đích hoặc lưu quá hạn (điểm a, c); Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp (điểm a, c); Buộc chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung dữ liệu cho chính xác (điểm b).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 39 BS: khoản 3 KP: điểm a, b, d khoản 4	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
113	Cản trở hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân; sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác để thực hiện hành vi trái pháp luật.	40–60 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện (điểm b). KP: Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp (điểm b); Buộc công khai xin lỗi chủ thể trên phương tiện thông tin đại chúng (điểm b).	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 39 BS: khoản 3 KP: điểm b, c khoản 4	☐

Điều 40. Vi phạm quy định về lợi dụng hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
114	Lợi dụng bảo vệ dữ liệu để che giấu, hợp thức hóa vi phạm; chiếm đoạt, làm sai lệch, xử lý dữ liệu trái phép; lừa đảo hoặc xâm phạm quyền lợi hợp pháp.	30–50 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu bị chiếm đoạt, xử lý trái phép; nộp lại khoản thu bất hợp pháp; Buộc công khai xin lỗi chủ thể trên phương tiện thông tin đại chúng (điểm b, c).	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 40 BS: khoản 2 KP: điểm a, b, c khoản 3	☐

Điều 41. Vi phạm quy định về xử lý dữ liệu cá nhân gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
115	Xử lý dữ liệu để lan truyền thông tin sai, kích động; cung cấp dữ liệu biết sẽ dùng xâm phạm an ninh, trật tự; can thiệp dữ liệu gây ảnh hưởng hoạt động cơ quan, tổ chức; hành vi khác gây ảnh hưởng an ninh, trật tự.	30–50 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu xử lý gây ảnh hưởng an ninh, trật tự; nộp lại khoản thu bất hợp pháp; Buộc gỡ, thu hồi thông tin, dữ liệu cung cấp, chuyển giao, công khai trái phép (điểm b).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 41 BS: khoản 2 KP: điểm a, b, c khoản 3	☐

Điều 42. Vi phạm nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu cá nhân

Điều này quy định nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân và hành vi dành cho cá nhân. Không lập bảng mức phạt doanh nghiệp cho Điều 42.

Điều 43. Vi phạm quy định về sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
116	Xử lý dữ liệu khi chưa đồng ý ngoài trường hợp luật cho phép; buộc đồng ý mục đích không liên quan dịch vụ; mặc định đồng ý, hướng dẫn gây hiểu lầm; xin đồng ý không rõ hoặc không kiểm chứng được.	30–50 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện (điểm a, c). KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu thu thập, xử lý thiếu đồng ý hợp lệ (điểm a, c).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 43 BS: khoản 3 KP: điểm a khoản 4	☐
117	Xin đồng ý thiếu thông tin minh bạch hoặc không tách từng mục đích; không ghi nhận, lưu nhật ký, chứng minh sự đồng ý; không thông báo việc xử lý dữ liệu nhạy cảm.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 1 Điều 43	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
118	Cố ý tiếp tục xử lý khi có yêu cầu ngừng, hạn chế hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền; coi im lặng, không phản hồi là đồng ý để thu thập, xử lý.	50–70 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu thu thập, xử lý thiếu đồng ý hợp lệ; Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp.	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 43 BS: khoản 3 KP: điểm a, b khoản 4	☐

Điều 44. Vi phạm quy định về thủ tục thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
119	Bên kiểm soát hoặc kiểm soát và xử lý thiếu quy trình, biểu mẫu, phân công; không cung cấp thủ tục thực hiện quyền; không phản hồi hoặc phản hồi thiếu quá 02 ngày làm việc từ yêu cầu hợp lệ.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 44	☐
120	Bên kiểm soát hoặc kiểm soát và xử lý không thông báo lý do chính đáng khi không thể thực hiện hoặc cần gia hạn yêu cầu thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm đ khoản 1 Điều 44	☐
121	Bên xử lý, bên thứ ba không ngừng, hạn chế xử lý, chỉnh sửa, cung cấp, xóa hoặc hủy dữ liệu trong thời hạn bên kiểm soát xác định sau khi nhận yêu cầu hợp lệ; trừ trường hợp pháp luật quy định khác.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện đầy đủ quyền chủ thể theo yêu cầu hợp pháp; cung cấp minh chứng cho cơ quan có thẩm quyền.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 44 KP: khoản 5	☐
122	Bên kiểm soát hoặc kiểm soát và xử lý quá hạn thực hiện quyền: rút đồng ý, hạn chế, phản đối 15 ngày (qua bên xử lý, bên thứ ba: 20 ngày; gia hạn tối đa 15 ngày); xem, sửa, cung cấp 10 ngày (qua bên xử lý, bên thứ ba: 15 ngày; gia hạn tối đa 10 ngày); xóa 20 ngày (qua bên xử lý, bên thứ ba: 30 ngày; gia hạn tối đa 20 ngày); áp dụng biện pháp bảo vệ 15 ngày, gia hạn tối đa 15 ngày.	30–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thực hiện đầy đủ quyền chủ thể theo yêu cầu hợp pháp; cung cấp minh chứng cho cơ quan có thẩm quyền.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 44 KP: khoản 5	☐

Điều 45. Vi phạm quy định về quyền rút lại sự đồng ý và quyền hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
123	Cản trở rút đồng ý, hạn chế xử lý; không ngừng xử lý sau yêu cầu đúng thủ tục ngoài trường hợp luật cho phép tiếp tục; không yêu cầu bên xử lý, bên thứ ba ngừng xử lý.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu tiếp tục xử lý sau rút đồng ý; nộp lại khoản thu từ tiếp tục khai thác (điểm b); Buộc cung cấp cơ chế kỹ thuật rõ ràng, dễ tiếp cận để rút đồng ý; cung cấp minh chứng (điểm a); Buộc gửi yêu cầu bên xử lý, bên thứ ba dừng xử lý; cung cấp minh chứng (điểm c).	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 45 KP: điểm a, b, c, d khoản 2	☐

Điều 46. Vi phạm quy định về quyền xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
124	Bên kiểm soát hoặc kiểm soát và xử lý từ chối quyền xem, sửa dữ liệu trái quy định; bên xử lý, bên thứ ba tự sửa dữ liệu chưa được bên kiểm soát đồng ý bằng văn bản. Áp dụng ngoại lệ tại khoản 3 Điều 46.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu tự ý chỉnh sửa trái phép (điểm b).	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 46 KP: điểm b khoản 4	☐
125	Cố ý trì hoãn, không sửa dữ liệu đã xác nhận sai sự thật, giả mạo, gây ảnh hưởng danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền lợi chủ thể dữ liệu. Áp dụng ngoại lệ tại khoản 3 Điều 46.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc chỉnh sửa dữ liệu theo yêu cầu hợp pháp.	Phạt: khoản 2 Điều 46 KP: điểm a khoản 4	☐

Khoản 3 Điều 46: Không xử phạt việc từ chối hoặc chưa chỉnh sửa nếu có căn cứ hợp lý chứng minh yêu cầu nhằm gian lận, trốn nghĩa vụ, vi phạm pháp luật; việc sửa có thể xâm phạm quyền lợi người khác, thuần phong mỹ tục, đạo đức, lợi ích công cộng; hoặc trường hợp khác theo pháp luật.

Điều 47. Vi phạm quy định về xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
126	Trong xử lý dữ liệu không cần đồng ý: không có quy trình, phân định trách nhiệm; không kiểm tra, đánh giá định kỳ; không có cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thiết lập, ban hành, công khai quy trình xử lý, biện pháp bảo vệ, cơ chế nhận phản ánh, kiến nghị; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 KP: điểm a khoản 4	☐
127	Trong xử lý dữ liệu không cần đồng ý: không bảo vệ phù hợp dẫn đến lộ, mất dữ liệu; không đánh giá rủi ro xử lý.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc bảo vệ dữ liệu phù hợp, đánh giá rủi ro; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 47 KP: điểm đ khoản 4	☐
128	Lợi dụng trường hợp không cần đồng ý để xử lý vượt phạm vi, mục đích cần thiết; không chứng minh được căn cứ pháp luật khi kiểm tra.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc dừng xử lý dựa trên căn cứ miễn đồng ý không đúng hoặc vượt phạm vi, mục đích cho phép; Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu xử lý vượt phạm vi, mục đích hoặc không có căn cứ hợp pháp (điểm a); Buộc lập, lưu, cung cấp tài liệu chứng minh căn cứ hợp pháp khi được yêu cầu (điểm b).	Phạt: Điểm a, b khoản 3 Điều 47 KP: điểm b, c, d khoản 4	☐

Điều 48. Vi phạm quy định về thu thập dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
129	Thu thập dữ liệu sai phạm vi, mục đích cụ thể, rõ ràng hoặc chưa có sự đồng ý trước khi thu thập theo quy định.	30–50 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định.	Phạt: khoản 1 Điều 48 BS: khoản 5 KP: điểm a khoản 6	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
130	Thu thập, lưu trữ, hình thành kho dữ liệu từ chuyển giao để dùng cho mục đích ngoài phạm vi chủ thể đã đồng ý.	50–80 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định; Buộc nộp lại khoản thu kinh doanh có sử dụng dữ liệu thu thập trái phép.	Phạt: khoản 2 Điều 48 BS: khoản 5 KP: điểm a, b khoản 6	☐
131	Dùng công nghệ, kỹ thuật thu thập trái pháp luật: dữ liệu cơ bản của dưới 500 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của dưới 100 chủ thể.	100–200 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định.	Phạt: Điểm a khoản 3 Điều 48 BS: khoản 5 KP: điểm a khoản 6	☐
132	Dùng công nghệ, kỹ thuật thu thập trái pháp luật: dữ liệu cơ bản của 500 đến dưới 1.000 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của 100 đến dưới 200 chủ thể.	200–300 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định.	Phạt: Điểm b khoản 3 Điều 48 BS: khoản 5 KP: điểm a khoản 6	☐
133	Dùng công nghệ, kỹ thuật thu thập trái pháp luật: dữ liệu cơ bản của 1.000 đến dưới 5.000 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của 200 đến 1.000 chủ thể.	300–500 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định.	Phạt: Điểm c khoản 3 Điều 48 BS: khoản 5 KP: điểm a khoản 6	☐
134	Dùng công nghệ, kỹ thuật thu thập trái pháp luật: dữ liệu cơ bản của từ 5.000 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của từ 1.000 chủ thể.	500–800 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định.	Phạt: Điểm d khoản 3 Điều 48 BS: khoản 5 KP: điểm a khoản 6	☐
135	Thu thập dữ liệu cá nhân nhạy cảm không đúng phạm vi, mục đích cụ thể, rõ ràng hoặc không có sự đồng ý của chủ thể trước khi thu thập theo pháp luật.	50–80 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm (hành vi gốc khoản 1). KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định.	Phạt: khoản 4 Điều 48 BS: khoản 5 KP: điểm a khoản 6	☐

Điều 49. Vi phạm quy định về cung cấp dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
136	Từ chối cung cấp dữ liệu cá nhân cho chính chủ thể dữ liệu khi có yêu cầu hợp lệ.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: Buộc cung cấp dữ liệu cho chính chủ thể theo yêu cầu hợp lệ.	Phạt: khoản 1 Điều 49 KP: điểm a khoản 4	☐
137	Cung cấp dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chưa được chủ thể đồng ý; trừ trường hợp pháp luật quy định khác.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thu hồi dữ liệu đã cung cấp sai quy định; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: khoản 2 Điều 49 KP: điểm b, c khoản 4	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
138	Cung cấp dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Bản nguồn quy định mức tăng 02 lần nhưng tự dẫn chiếu tới chính khoản 3 Điều 49; chưa quy đổi thành khung tiền cụ thể.	02 lần theo khoản 3 Điều 49*	BS: — KP: Buộc thu hồi dữ liệu đã cung cấp sai quy định.	Phạt: khoản 3 Điều 49 KP: điểm b khoản 4	☐

Điều 50. Vi phạm quy định về công khai dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
139	Công khai dữ liệu không có mục đích, không thuộc trường hợp được phép, quá phạm vi, sai nguồn gốc hoặc không kiểm soát, giám sát đúng quy định.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc cải chính thông tin (điểm c); Buộc kiểm soát, giám sát, bảo mật dữ liệu công khai; cung cấp minh chứng (điểm d); Buộc gỡ bỏ, thu hồi dữ liệu công khai không có mục đích cụ thể hoặc quá phạm vi (điểm a, b).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 50 KP: điểm a, c, d khoản 3	☐
140	Không ngăn truy cập, sử dụng, tiết lộ, sao chép, sửa, xóa, hủy hoặc xử lý trái phép dữ liệu đã công khai.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc kiểm soát, giám sát, bảo mật dữ liệu công khai; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm đ khoản 1 Điều 50 KP: điểm c khoản 3	☐
141	Công khai dữ liệu xâm phạm quyền lợi chủ thể; công khai khi chưa đồng ý ngoài trường hợp pháp luật cho phép.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc gỡ bỏ, thu hồi dữ liệu đã công khai.	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 50 KP: điểm b khoản 3	☐

Điều 51. Vi phạm quy định về xóa, hủy, khử nhận dạng dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
142	Không báo lý do không thể xóa, hủy sau yêu cầu; xóa, hủy không an toàn; không ngăn xâm nhập, khôi phục trái phép; khử nhận dạng thiếu kiểm soát, giám sát.	10–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thông báo chủ thể việc không thể xóa, hủy (điểm a); Buộc kiểm soát, giám sát, ngăn truy cập trái phép khi khử nhận dạng; cung cấp minh chứng (điểm d).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 51 KP: điểm b, d khoản 4	☐
143	Không ngăn truy cập trái phép, sao chép, chiếm đoạt, lộ hoặc mất dữ liệu trong quá trình khử nhận dạng.	10–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc kiểm soát, giám sát, ngăn truy cập trái phép khi khử nhận dạng; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm đ khoản 1 Điều 51 KP: điểm d khoản 4	☐
144	Không xóa, hủy hoặc yêu cầu bên xử lý, bên thứ ba thực hiện đúng quy định; bên xử lý không xóa, trả dữ liệu sau hợp đồng; để truy cập trái phép, sao chép, chiếm đoạt, lộ, mất khi khử nhận dạng.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu (điểm a, b).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 51 KP: điểm a khoản 4	☐
145	Cố ý khôi phục dữ liệu đã xóa, hủy trái phép; tái nhận dạng dữ liệu đã khử nhận dạng ngoài trường hợp pháp luật quy định khác.	50–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục kết quả tái nhận dạng và dữ liệu khôi phục trái phép.	Phạt: Điểm a, b khoản 3 Điều 51 KP: điểm c khoản 4	☐

Điều 52. Vi phạm quy định về chuyển giao dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
146	Thỏa thuận chuyển giao thiếu trách nhiệm bảo vệ, thực hiện quyền, phối hợp xử lý vi phạm; chia sẻ nội bộ thiếu quy trình kiểm soát hoặc biện pháp chống nhân sự chia sẻ trái phép.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc bổ sung, hoàn thiện thỏa thuận chuyển giao; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 52 KP: điểm a khoản 5	☐
147	Chuyển giao có thu phí khi chủ thể đồng ý, hoặc bên kiểm soát, bên kiểm soát và xử lý chuyển dữ liệu cho bên xử lý, bên thứ ba theo quy định, để cung cấp dịch vụ hoặc phục vụ lợi ích hợp pháp của chủ thể; nhưng không xác định vai trò các bên, không giới hạn loại dữ liệu theo mục đích, không xác định thời hạn lưu phù hợp hoặc không xóa, hủy khi hoàn thành mục đích.	30–50 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Khi không bảo đảm bảo mật: buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu nhạy cảm đã chuyển giao.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 52 BS: khoản 4 KP: điểm c khoản 5	☐
148	Chuyển giao dữ liệu nhạy cảm không bảo mật vật lý, mã hóa, ẩn danh và áp dụng các biện pháp bảo mật khác theo quy định.	50–80 triệu đồng	BS: — KP: Buộc bảo mật dữ liệu nhạy cảm đang lưu, truyền; Khi không bảo đảm bảo mật: buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu nhạy cảm đã chuyển giao.	Phạt: khoản 3 Điều 52 KP: điểm b, c khoản 5	☐

Điều 53. Vi phạm quy định về mua, bán trái phép dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
149	Mua bán dữ liệu trái phép: chia sẻ, trao đổi thu lợi ngoài trường hợp luật định; chuyển giao có thu phí, lợi ích nhưng thiếu thỏa thuận, sai mục đích hoặc thiếu cơ chế đồng ý minh bạch từng lần.	Từ 02 lần đến tối đa 10 lần khoản thu	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu mua bán trái phép trên mọi hệ thống; thông báo toàn bộ chủ thể bị ảnh hưởng về vi phạm và khắc phục; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 53 BS: khoản 4 KP: điểm a, b, c khoản 5	☐
150	Mua bán dữ liệu trái phép: chuyển giao có thu phí, lợi ích nhưng xử lý sai mục đích đã đồng ý, phù hợp ngành nghề; không khử nhận dạng khi giao dịch trên sàn dữ liệu.	Từ 02 lần đến tối đa 10 lần khoản thu	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu mua bán trái phép trên mọi hệ thống; thông báo toàn bộ chủ thể bị ảnh hưởng về vi phạm và khắc phục; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: Điểm đ, e khoản 1 Điều 53 BS: khoản 4 KP: điểm a, b, c khoản 5	☐
151	Mua bán trái phép không có khoản thu: dữ liệu cơ bản của dưới 1.000 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của dưới 200 chủ thể.	70–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu mua bán trái phép trên mọi hệ thống; thông báo toàn bộ chủ thể bị ảnh hưởng về vi phạm và khắc phục.	Phạt: Điểm a khoản 3 Điều 53 BS: khoản 4 KP: điểm a, c khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
152	Mua bán trái phép không có khoản thu: dữ liệu cơ bản của 1.000 đến dưới 2.000 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của 200 đến dưới 400 chủ thể.	100–300 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu mua bán trái phép trên mọi hệ thống; thông báo toàn bộ chủ thể bị ảnh hưởng về vi phạm và khắc phục.	Phạt: Điểm b khoản 3 Điều 53 BS: khoản 4 KP: điểm a, c khoản 5	☐
153	Mua bán trái phép không có khoản thu: dữ liệu cơ bản của 2.000 đến dưới 10.000 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của 400 đến 2.000 chủ thể.	300–500 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu mua bán trái phép trên mọi hệ thống; thông báo toàn bộ chủ thể bị ảnh hưởng về vi phạm và khắc phục.	Phạt: Điểm c khoản 3 Điều 53 BS: khoản 4 KP: điểm a, c khoản 5	☐
154	Mua bán trái phép không có khoản thu: dữ liệu cơ bản của từ 10.000 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của từ 2.000 chủ thể.	500–1000 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu mua bán trái phép trên mọi hệ thống; thông báo toàn bộ chủ thể bị ảnh hưởng về vi phạm và khắc phục.	Phạt: Điểm d khoản 3 Điều 53 BS: khoản 4 KP: điểm a, c khoản 5	☐
155	Mua bán dữ liệu trái phép không có khoản thu, xâm phạm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô hoặc tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền lợi hợp pháp.	1–3 tỷ đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng vi phạm. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu mua bán trái phép trên mọi hệ thống; thông báo toàn bộ chủ thể bị ảnh hưởng về vi phạm và khắc phục.	Phạt: Điểm đ khoản 3 Điều 53 BS: khoản 4 KP: điểm a, c khoản 5	☐

Điều 54. Vi phạm quy định về thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
156	Không báo kịp thời bên kiểm soát khi phát hiện vi phạm; không lập biên bản xác nhận vi phạm; báo cáo sự cố nhưng cố ý che giấu, khai sai tính chất, quy mô, loại dữ liệu, số chủ thể bị ảnh hưởng.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thông báo vi phạm đúng nội dung, hình thức, thời hạn; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 54 KP: điểm a khoản 5	☐
157	Không báo cơ quan chuyên trách khi phát hiện vi phạm, dữ liệu bị xử lý sai mục đích hoặc thỏa thuận, quyền của chủ thể không được bảo đảm hoặc thực hiện đúng.	20–40 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thông báo vi phạm đúng nội dung, hình thức, thời hạn; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 54 KP: điểm a khoản 5	☐
158	Bên kiểm soát, kiểm soát và xử lý hoặc bên thứ ba thông báo cơ quan chuyên trách quá 72 giờ từ khi phát hiện vi phạm gây hoặc có thể gây tổn hại quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản chủ thể dữ liệu.	40–60 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thông báo vi phạm đúng nội dung, hình thức, thời hạn; cung cấp minh chứng.	Phạt: khoản 3 Điều 54 KP: điểm a khoản 5	☐
159	Không ngăn chặn vi phạm, khắc phục hậu quả; không phối hợp cơ quan chuyên trách xử lý vi phạm bảo vệ dữ liệu.	60–80 triệu đồng	BS: — KP: Buộc ngăn chặn, khắc phục hậu quả theo yêu cầu cơ quan chuyên trách (điểm a).	Phạt: Điểm a, b khoản 4 Điều 54 KP: điểm b khoản 5	☐

Điều 55. Vi phạm quy định về đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
160	Không lập, duy trì hồ sơ đánh giá tác động xử lý; không gửi bản chính trong 60 ngày; cố ý không hoàn thiện theo yêu cầu; không cập nhật định kỳ 06 tháng khi có thay đổi.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc lập, hoàn thiện, nộp hồ sơ đánh giá tác động; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý tới khi hoàn thành nghĩa vụ nộp hồ sơ và được cơ quan chuyên trách xác nhận (điểm a).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 55 KP: điểm a, b khoản 3	☐
161	Không cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu trong 10 ngày khi thuộc trường hợp phải cập nhật theo pháp luật.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc lập, hoàn thiện, nộp hồ sơ đánh giá tác động; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm đ khoản 1 Điều 55 KP: điểm a khoản 3	☐
162	Cố tình làm giả số liệu, khai sai hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu; từ chối chỉnh sửa, hoàn thiện khi có văn bản yêu cầu khắc phục.	50–100 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: khoản 2 Điều 55	☐

Điều 56. Vi phạm quy định về chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
163	Chuyển dữ liệu xuyên biên giới không lập hồ sơ trước hoặc trong thời gian chuyển; không nộp bản chính trong 60 ngày từ ngày đầu chuyển; không hoàn thiện trong 30 ngày từ yêu cầu; không cập nhật định kỳ hoặc khi thay đổi.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc lập, hoàn thiện, nộp hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu xuyên biên giới; Buộc ngừng chuyển dữ liệu tới khi hoàn thành nghĩa vụ hồ sơ và được cơ quan chuyên trách xác nhận (điểm a, b).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 56 KP: điểm a, b khoản 6	☐
164	Không duy trì hồ sơ chuyển dữ liệu sẵn sàng kiểm tra; không thông báo đầu mối bảo vệ dữ liệu bên nhận; không kiểm soát chuyển tiếp dẫn đến xử lý dữ liệu công dân Việt Nam ngoài phạm vi khai báo.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc lập, hoàn thiện, nộp hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu xuyên biên giới.	Phạt: Điểm đ, e, g khoản 1 Điều 56 KP: điểm a khoản 6	☐
165	Chuyển dữ liệu xuyên biên giới thiếu hợp đồng ràng buộc trách nhiệm, sự đồng ý hoặc thông báo chủ thể; không bảo mật, bảo đảm an toàn sau chuyển; không phối hợp hoặc cản trở kiểm tra.	50–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc ngừng chuyển dữ liệu tới khi hoàn thành nghĩa vụ hồ sơ và được cơ quan chuyên trách xác nhận (điểm a, b); Buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng đã thực hiện.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 56 BS: điểm a khoản 5 KP: điểm b, c khoản 6	☐
166	Tiếp tục chuyển dữ liệu sau quyết định ngừng; không báo cơ quan chuyên trách và yêu cầu bên nhận dừng xử lý, ngăn thiệt hại khi phát hiện bên nhận vi phạm hoặc lộ, mất dữ liệu.	50–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng đã thực hiện.	Phạt: Điểm đ, e khoản 2 Điều 56 BS: điểm a khoản 5 KP: điểm c khoản 6	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
167	Tổ chức chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới không lập hồ sơ đánh giá tác động, che giấu hoặc khai báo sai dòng dữ liệu dẫn đến lộ, mất dữ liệu, hoặc tiếp tục chuyển sau quyết định yêu cầu ngừng; hành vi làm lộ, mất dữ liệu của từ 10.000 đến dưới 100.000 chủ thể là công dân Việt Nam.	1% – 2% tổng doanh thu năm tài chính liền trước tại thị trường Việt Nam	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện; Đình chỉ hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới 06–12 tháng. KP: Buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng đã thực hiện; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: Điểm a khoản 3 Điều 56 BS: điểm a, b khoản 5 KP: điểm c, d khoản 6	☐
168	Tổ chức chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới không lập hồ sơ đánh giá tác động, che giấu hoặc khai báo sai dòng dữ liệu dẫn đến lộ, mất dữ liệu, hoặc tiếp tục chuyển sau quyết định yêu cầu ngừng; hành vi làm lộ, mất dữ liệu của từ 100.000 đến dưới 1.000.000 chủ thể là công dân Việt Nam.	2% – 3% tổng doanh thu năm tài chính liền trước tại thị trường Việt Nam	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện; Đình chỉ hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới 06–12 tháng. KP: Buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng đã thực hiện; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: Điểm b khoản 3 Điều 56 BS: điểm a, b khoản 5 KP: điểm c, d khoản 6	☐
169	Tổ chức chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới không lập hồ sơ đánh giá tác động, che giấu hoặc khai báo sai dòng dữ liệu dẫn đến lộ, mất dữ liệu, hoặc tiếp tục chuyển sau quyết định yêu cầu ngừng; hành vi làm lộ, mất dữ liệu của từ 1.000.000 công dân Việt Nam; hoặc chuyển sau quyết định ngừng gây tổn hại quốc phòng, an ninh quốc gia.	3% – 5% tổng doanh thu năm tài chính liền trước tại thị trường Việt Nam	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện; Đình chỉ hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới 06–12 tháng. KP: Buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng đã thực hiện; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: Điểm c khoản 3 Điều 56 BS: điểm a, b khoản 5 KP: điểm c, d khoản 6	☐
170	Tổ chức chuyển dữ liệu xuyên biên giới không lập hồ sơ đánh giá tác động, che giấu hoặc khai báo sai dòng dữ liệu gây lộ, mất, hoặc tiếp tục chuyển sau quyết định ngừng; làm lộ, mất dữ liệu của 10.000 đến dưới 100.000 công dân Việt Nam. Áp dụng khung này khi không có doanh thu tại Việt Nam năm tài chính liền trước hoặc mức tính theo tỷ lệ doanh thu tại điểm tương ứng thấp hơn 03 tỷ đồng.	200–500 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện (hành vi gốc khoản 3); Đình chỉ hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới 06–12 tháng (hành vi gốc khoản 3). KP: Buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng đã thực hiện (hành vi gốc khoản 3); Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm (hành vi gốc khoản 3).	Phạt: Điểm a khoản 4 Điều 56 BS: điểm a, b khoản 5 KP: điểm c, d khoản 6	☐
171	Tổ chức chuyển dữ liệu xuyên biên giới không lập hồ sơ đánh giá tác động, che giấu hoặc khai báo sai dòng dữ liệu gây lộ, mất, hoặc tiếp tục chuyển sau quyết định ngừng; làm lộ, mất dữ liệu của 100.000 đến dưới 1.000.000 công dân Việt Nam. Áp dụng khung này khi không có doanh thu tại Việt Nam năm tài chính liền trước hoặc mức tính theo tỷ lệ doanh thu tại điểm tương ứng thấp hơn 03 tỷ đồng.	500–1000 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện (hành vi gốc khoản 3); Đình chỉ hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới 06–12 tháng (hành vi gốc khoản 3). KP: Buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng đã thực hiện (hành vi gốc khoản 3); Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm (hành vi gốc khoản 3).	Phạt: Điểm b khoản 4 Điều 56 BS: điểm a, b khoản 5 KP: điểm c, d khoản 6	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
172	Tổ chức chuyển dữ liệu xuyên biên giới không lập hồ sơ đánh giá tác động, che giấu hoặc khai báo sai dòng dữ liệu gây lộ, mất, hoặc tiếp tục chuyển sau quyết định ngừng; làm lộ, mất dữ liệu của từ 1.000.000 công dân Việt Nam hoặc chuyển sau quyết định ngừng gây tổn hại quốc phòng, an ninh quốc gia. Áp dụng khi không có doanh thu tại Việt Nam năm tài chính liền trước hoặc mức tính theo tỷ lệ doanh thu tại điểm tương ứng thấp hơn 03 tỷ đồng.	1–3 tỷ đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện (hành vi gốc khoản 3); Đình chỉ hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới 06–12 tháng (hành vi gốc khoản 3). KP: Buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu chuyển trái quy định; cung cấp bằng chứng đã thực hiện (hành vi gốc khoản 3); Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm (hành vi gốc khoản 3).	Phạt: Điểm c khoản 4 Điều 56 BS: điểm a, b khoản 5 KP: điểm c, d khoản 6	☐

Điều 57. Vi phạm quy định về chỉ định nhân sự, bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
173	Không ký thỏa thuận bảo mật với nhân sự, không tổ chức đào tạo hoặc văn bản chỉ định nhân sự, lập bộ phận bảo vệ dữ liệu thiếu chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu theo quy định.	Cảnh cáo hoặc 10–20 triệu đồng	BS: — KP: Buộc ban hành văn bản chỉ định, xây dựng đầy đủ chức năng, nhiệm vụ; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 57 KP: điểm b khoản 3	☐
174	Chỉ định nhân sự bảo vệ dữ liệu không đủ trình độ, kinh nghiệm hoặc chưa được đào tạo; không có văn bản chỉ định nhân sự hoặc quyết định lập bộ phận.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc thay thế nhân sự đủ điều kiện; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 57 KP: điểm a khoản 3	☐

Điều 58. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân

Khoản 1 áp dụng riêng cho cá nhân cung cấp dịch vụ; bảng dưới đây tổng hợp khoản 2 và khoản 3 liên quan đến doanh nghiệp.

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
175	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu thiếu hồ sơ năng lực; dưới 03 nhân sự đủ điều kiện; không ký hợp đồng, thỏa thuận xử lý trước dịch vụ; không công khai thông tin theo quy định.	30–50 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân 06–12 tháng (điểm a, b). KP: Buộc thông báo bên sử dụng dịch vụ việc không còn đủ điều kiện để thực hiện biện pháp thay thế, bảo đảm bảo vệ dữ liệu liên tục (điểm a, b).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 58 BS: điểm b khoản 4 KP: điểm c khoản 5	☐
176	Lợi dụng cung cấp dịch vụ để truy cập, thu thập, sử dụng, tiết lộ, xử lý dữ liệu ngoài hợp đồng hoặc thực hiện vi phạm pháp luật khác.	50–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện; Đình chỉ cung cấp dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân 06–12 tháng. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái phép trong dịch vụ; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: khoản 3 Điều 58 BS: điểm a, b khoản 4 KP: điểm a, b khoản 5	☐

Điều 59. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
177	Doanh nghiệp xử lý dữ liệu đã có Giấy chứng nhận không có khung quản trị rủi ro, quy định trách nhiệm; không áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn; không xác thực danh tính tổ chức.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc ban hành, thực hiện khung quản trị rủi ro, quy định trách nhiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật, xác thực danh tính; cung cấp minh chứng.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 59 KP: điểm a khoản 5	☐
178	Doanh nghiệp xử lý dữ liệu đã có Giấy chứng nhận không yêu cầu xin đồng ý, bảo đảm chủ thể được biết; xử lý sai mục đích, thiếu giới hạn hoặc bảo vệ; không đánh giá tuân thủ, tín nhiệm 01 năm/lần.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái phép trong dịch vụ.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 59 KP: điểm b khoản 5	☐
179	Kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu chưa có Giấy chứng nhận; nhân sự không đủ điều kiện; dưới 03 nhân sự đủ năng lực.	50–80 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu thu thập, xử lý trái phép trong dịch vụ; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 3 Điều 59 KP: điểm b, c khoản 5	☐
180	Tiếp tục kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu sau khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã bị thu hồi.	80–100 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: khoản 4 Điều 59	☐

Điều 60. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
181	Không xác minh tuổi trẻ em; xử lý dữ liệu trẻ dưới 07 tuổi hoặc người thuộc diện bảo vệ thiếu đồng ý của đại diện; trẻ từ đủ 07 tuổi thiếu đồng ý đồng thời của trẻ và đại diện, trừ ngoại lệ luật định.	30–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu xử lý trái quy định.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 60 KP: điểm b khoản 5	☐
182	Công bố đời tư, bí mật của trẻ từ đủ 07 tuổi thiếu đồng ý đồng thời; không dừng xử lý dữ liệu đối tượng bảo vệ khi đại diện rút đồng ý hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, trừ ngoại lệ luật định.	50–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu liên quan trực tiếp vi phạm 01–03 tháng. KP: Buộc ngừng xử lý, thông báo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật (điểm b, c); Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu xử lý trái quy định; Buộc gỡ thông tin đời tư, bí mật cá nhân đã công bố trái phép; thông báo người đại diện theo pháp luật (điểm a).	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 60 BS: khoản 4 KP: điểm a, b, c khoản 5	☐
183	Không xóa, hủy tới mức không thể khôi phục dữ liệu trẻ em khi xử lý sai hoặc hoàn thành mục đích, cha mẹ hoặc người giám hộ rút đồng ý, hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.	100–200 triệu đồng	BS: Đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu liên quan trực tiếp vi phạm 03–06 tháng. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu xử lý trái quy định.	Phạt: khoản 3 Điều 60 BS: khoản 4 KP: điểm b khoản 5	☐

Điều 61. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
184	Yêu cầu dữ liệu ứng viên không phục vụ tuyển dụng; dùng sai mục đích không thỏa thuận, xử lý chưa đồng ý hoặc vượt phạm vi; không xóa, hủy khi không tuyển, trừ thỏa thuận khác.	20–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định (điểm c, d).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 61 KP: điểm a khoản 4	☐
185	Lưu dữ liệu lao động quá hạn; không xóa, hủy khi chấm dứt hợp đồng, trừ ngoại lệ; thu thập bằng công nghệ không cho người lao động biết hoặc không phù hợp pháp luật, quyền lợi hợp pháp.	50–70 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định (điểm c, d).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 61 KP: điểm a khoản 4	☐
186	Xử lý, sử dụng dữ liệu người lao động được thu thập bằng công nghệ, kỹ thuật trái pháp luật.	70–100 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu thu thập, xử lý trái quy định; Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: khoản 3 Điều 61 KP: điểm a, b khoản 4	☐

Điều 62. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với thông tin sức khỏe và trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
187	Doanh nghiệp bảo hiểm chuyển dữ liệu khách hàng cho đối tác không quy định rõ trong hợp đồng; ứng dụng y tế, nền tảng chăm sóc sức khỏe thu dữ liệu nhạy cảm thiếu phân quyền, bảo mật.	50–70 triệu đồng	BS: Đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu liên quan trực tiếp vi phạm 01–03 tháng. KP: Buộc bảo mật, phân quyền truy cập hệ thống thu dữ liệu sức khỏe, sinh trắc học đúng quy định kỹ thuật; cung cấp minh chứng (điểm b).	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 62 BS: khoản 3 KP: điểm a khoản 4	☐
188	Chia sẻ dữ liệu bệnh nhân cho tổ chức chăm sóc sức khỏe khác, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, nhân thọ khi chưa có yêu cầu bằng văn bản của chủ thể.	70–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu liên quan trực tiếp vi phạm 03–06 tháng. KP: Buộc yêu cầu bên thứ ba hủy, xóa không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu tiếp nhận trái phép; cung cấp bằng chứng; Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp.	Phạt: khoản 2 Điều 62 BS: khoản 3 KP: điểm b, c khoản 4	☐

Điều 63. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kinh doanh dịch vụ quảng cáo

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
189	Dùng dữ liệu cơ bản quảng cáo chưa đồng ý; thiếu cơ chế từ chối, rút đồng ý; mặc định đồng ý chia sẻ mạng quảng cáo; cố ý chia sẻ hồ sơ quảng cáo sau thao tác từ chối.	30–50 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ quảng cáo liên quan trực tiếp vi phạm 01–03 tháng. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu thu, dùng trái phép để quảng cáo; nộp lại khoản thu; Buộc cung cấp cơ chế từ chối quảng cáo, rút đồng ý chia sẻ dữ liệu; cung cấp minh chứng (điểm b).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 63 BS: khoản 3 KP: điểm a, b, c khoản 4	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
190	Dùng dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu trẻ dưới 16 tuổi quảng cáo thiếu đồng ý theo quy định; theo dõi để quảng cáo hành vi, mục tiêu, cá nhân hóa chưa đồng ý; không có phương thức từ chối chia sẻ.	50–70 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ quảng cáo liên quan trực tiếp vi phạm 03–06 tháng. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu thu, dùng trái phép để quảng cáo; nộp lại khoản thu.	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 63 BS: khoản 3 KP: điểm a, b khoản 4	☐
191	Trong dịch vụ quảng cáo: cố ý lưu, không xóa hoặc hủy dữ liệu không còn cần thiết cho mục đích xử lý theo pháp luật.	50–70 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ quảng cáo liên quan trực tiếp vi phạm 03–06 tháng. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu thu, dùng trái phép để quảng cáo; nộp lại khoản thu.	Phạt: Điểm đ khoản 2 Điều 63 BS: khoản 3 KP: điểm a, b khoản 4	☐

Điều 64. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tín dụng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
192	Trong tài chính, ngân hàng, thông tin tín dụng: không báo hoặc báo sự cố dữ liệu nhạy cảm quá 72 giờ; thông báo thiếu nội dung; không ghi nhật ký, đánh giá tuân thủ hằng năm; không có giải pháp khôi phục.	50–70 triệu đồng	BS: Đình chỉ dịch vụ thông tin, chấm điểm, xếp hạng, đánh giá tín nhiệm tín dụng 01–03 tháng. KP: —	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 64 BS: khoản 3	☐
193	Trong tài chính, ngân hàng, thông tin tín dụng: không áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo vệ, khử nhận dạng, ẩn danh; xin đồng ý thiếu thông tin theo luật.	50–70 triệu đồng	BS: Đình chỉ dịch vụ thông tin, chấm điểm, xếp hạng, đánh giá tín nhiệm tín dụng 01–03 tháng. KP: —	Phạt: Điểm đ, e khoản 1 Điều 64 BS: khoản 3	☐
194	Chấm điểm, xếp hạng, đánh giá tín dụng chưa được đồng ý ngoài ngoại lệ; thiếu biện pháp bảo vệ dữ liệu; thu thập quá phạm vi hoặc từ nguồn không được phép.	70–100 triệu đồng	BS: Đình chỉ dịch vụ thông tin, chấm điểm, xếp hạng, đánh giá tín nhiệm tín dụng 03–06 tháng. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục kết quả chấm điểm, xếp hạng tín dụng tạo trái phép (điểm a); Buộc yêu cầu đối tác, bên liên kết hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu nhạy cảm chia sẻ, chuyển giao trái phép (điểm b).	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 64 BS: khoản 3 KP: điểm a, b khoản 4	☐

Điều 65. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các nền tảng mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
195	Mạng xã hội, truyền thông trực tuyến, nền tảng số không thông báo dữ liệu thu thập; không cho từ chối cookies; thiếu lựa chọn không theo dõi hoặc theo dõi chưa đồng ý; chính sách bảo mật không minh bạch.	50–70 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ ứng dụng, nền tảng số tại Việt Nam 01–03 tháng. KP: Buộc cung cấp tính năng từ chối theo dõi, chia sẻ cookies; cung cấp minh chứng (điểm b, c).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 65 BS: khoản 3 KP: điểm a khoản 4	☐
196	Mạng xã hội, truyền thông trực tuyến, nền tảng số không có cơ chế xem, sửa, xóa dữ liệu, tự đặt quyền riêng tư, báo vi phạm; không thông báo dữ liệu thu thập khi cài, dùng ứng dụng.	50–70 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ ứng dụng, nền tảng số tại Việt Nam 01–03 tháng. KP: —	Phạt: Điểm đ, e khoản 1 Điều 65 BS: khoản 3	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
197	Buộc cung cấp ảnh, video giấy tờ để xác thực tài khoản thông thường khi luật không yêu cầu; OTT, mạng xã hội nghe trộm, đọc tin, trích dữ liệu trái phép; thu thập vượt phạm vi thỏa thuận.	70–150 triệu đồng	BS: Đình chỉ cung cấp dịch vụ ứng dụng, nền tảng số tại Việt Nam 03–06 tháng. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu, giấy tờ tùy thân, danh bạ, tệp tin thu, trích trái phép.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 65 BS: khoản 3 KP: điểm b khoản 4	☐

Điều 66. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong xử lý dữ liệu lớn

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
198	Xử lý dữ liệu lớn thiếu chính sách lưu, xóa, hủy; thiếu thỏa thuận bằng văn bản với đối tác, bên thứ ba, nhà cung cấp; không đào tạo, nâng nhận thức bảo mật định kỳ.	20–30 triệu đồng	BS: — KP: Buộc công khai chính sách lưu, xóa, hủy và bảo vệ dữ liệu; bổ sung, điều chỉnh thỏa thuận với bên thứ ba, đối tác, nhà cung cấp; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu trái phép; bảo đảm đầy đủ quyền chủ thể, gồm đánh giá lại quyết định tự động (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 66 KP: điểm a, c khoản 5	☐
199	Dữ liệu lớn: thiếu thông báo, giải thích về phân tích; không xác thực đa yếu tố hoặc phân quyền; không giám sát truy cập, bất thường; không kiểm tra an ninh, bảo mật định kỳ.	30–50 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm. KP: Buộc xác thực đa yếu tố, phân quyền, mã hóa, ẩn danh khi chuyển, cung cấp; minh bạch việc đưa dữ liệu vào phân tích; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu trái phép; bảo đảm đầy đủ quyền chủ thể, gồm đánh giá lại quyết định tự động (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 66 BS: điểm a khoản 4 KP: điểm b, c khoản 5	☐
200	Dữ liệu lớn: không mã hóa, ẩn danh khi chuyển giao, cung cấp dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định khác.	30–50 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm. KP: Buộc xác thực đa yếu tố, phân quyền, mã hóa, ẩn danh khi chuyển, cung cấp; minh bạch việc đưa dữ liệu vào phân tích; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu trái phép; bảo đảm đầy đủ quyền chủ thể, gồm đánh giá lại quyết định tự động (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm đ khoản 2 Điều 66 BS: điểm a khoản 4 KP: điểm b, c khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
201	Dữ liệu lớn: quyết định tự động ảnh hưởng an ninh, quyền lợi nhưng thiếu giám sát hoặc đánh giá lại từ con người; phát triển, sử dụng hệ thống để gây tổn hại an ninh, danh dự, nhân phẩm, tài sản.	50–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm; Đình chỉ vận hành hệ thống, nền tảng phân tích dữ liệu lớn liên quan xử lý dữ liệu 03–06 tháng. KP: Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu trái phép; bảo đảm đầy đủ quyền chủ thể, gồm đánh giá lại quyết định tự động (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm); Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: Điểm a, b khoản 3 Điều 66 BS: điểm a, b khoản 4 KP: điểm c, d khoản 5	☐

Điều 67. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hệ thống trí tuệ nhân tạo, vũ trụ ảo

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
202	Xử lý dữ liệu cá nhân trong AI, vũ trụ ảo nhưng không đánh giá tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu định kỳ 01 năm/lần.	20–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu trái phép; bảo đảm đầy đủ quyền chủ thể, gồm đánh giá lại quyết định tự động (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: khoản 1 Điều 67 KP: điểm b khoản 5	☐
203	AI, vũ trụ ảo: không giải thích thuật toán, tác động; không có cơ chế từ chối xử lý tự động; không bảo đảm sửa, ẩn danh, xóa hồ sơ nhận dạng; không phân loại AI theo rủi ro.	50–70 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm. KP: Buộc thông báo, giải thích thuật toán; cung cấp cơ chế từ chối xử lý tự động, sửa, ẩn danh, xóa hồ sơ nhận dạng; phân loại rủi ro, bảo mật, xác thực, phân quyền, bảo vệ kết quả suy luận; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu trái phép; bảo đảm đầy đủ quyền chủ thể, gồm đánh giá lại quyết định tự động (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 67 BS: điểm a khoản 4 KP: điểm a, b khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
204	AI, vũ trụ ảo: không bảo vệ dữ liệu từ suy luận nhận diện người; hệ thống thiếu tiêu chuẩn an ninh, bảo vệ hoặc giám sát cảnh báo; không xác thực, định danh, phân quyền phù hợp.	50–70 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm. KP: Buộc thông báo, giải thích thuật toán; cung cấp cơ chế từ chối xử lý tự động, sửa, ẩn danh, xóa hồ sơ nhận dạng; phân loại rủi ro, bảo mật, xác thực, phân quyền, bảo vệ kết quả suy luận; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu trái phép; bảo đảm đầy đủ quyền chủ thể, gồm đánh giá lại quyết định tự động (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm đ, e, g khoản 2 Điều 67 BS: điểm a khoản 4 KP: điểm a, b khoản 5	☐
205	AI, vũ trụ ảo: thiếu kiểm soát việc lợi dụng xâm phạm an ninh; quyết định tự động gây ảnh hưởng nhưng thiếu giám sát hoặc đánh giá lại từ con người; phát triển, sử dụng nhằm gây tổn hại.	70–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm; Đình chỉ vận hành hệ thống, nền tảng AI, vũ trụ ảo liên quan xử lý dữ liệu 03–06 tháng. KP: Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu trái phép; bảo đảm đầy đủ quyền chủ thể, gồm đánh giá lại quyết định tự động (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm); Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: Điểm a, b, c khoản 3 Điều 67 BS: điểm a, b khoản 4 KP: điểm b, c khoản 5	☐

Điều 68. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong công nghệ chuỗi khối

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
206	Xử lý dữ liệu cá nhân bằng chuỗi khối không đánh giá tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu định kỳ 01 năm/lần.	20–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc dừng lưu dữ liệu bản rõ trên chuỗi khối tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm); Buộc dùng kỹ thuật loại bỏ dữ liệu lưu nguyên bản trái phép trên chuỗi khối tới mức không thể nhận dạng cá nhân (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: khoản 1 Điều 68 KP: điểm b, c khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
207	Chuỗi khối: không dùng mã hóa, băm, ký số bảo đảm an toàn; không xác thực, định danh hoặc phân quyền truy cập phù hợp.	50–70 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm. KP: Buộc áp dụng mã hóa, băm, ký số an toàn; xác thực, định danh, phân quyền; cung cấp minh chứng; Buộc dừng lưu dữ liệu bản rõ trên chuỗi khối tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm); Buộc dùng kỹ thuật loại bỏ dữ liệu lưu nguyên bản trái phép trên chuỗi khối tới mức không thể nhận dạng cá nhân (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 68 BS: điểm a khoản 4 KP: điểm a, b, c khoản 5	☐
208	Dùng chuỗi khối lưu trực tiếp dữ liệu cá nhân bản rõ mà không khử nhận dạng hoặc không dùng thuật toán băm dữ liệu.	70–150 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm; Đình chỉ vận hành hệ thống, nền tảng chuỗi khối liên quan xử lý dữ liệu 03–06 tháng. KP: Buộc dừng lưu dữ liệu bản rõ trên chuỗi khối tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm); Buộc dùng kỹ thuật loại bỏ dữ liệu lưu nguyên bản trái phép trên chuỗi khối tới mức không thể nhận dạng cá nhân (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm); Buộc nộp lại khoản thu từ vi phạm.	Phạt: khoản 3 Điều 68 BS: điểm a, b khoản 4 KP: điểm b, c, d khoản 5	☐

Điều 69. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong điện toán đám mây

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
209	Đám mây: không cung cấp đầu mối bảo vệ dữ liệu; hợp đồng không rõ luồng xử lý, trách nhiệm hoặc yêu cầu bảo mật; không ràng buộc nhà thầu phụ; thiếu chính sách lưu, xóa, hủy.	20–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc công khai chính sách lưu, xóa, hủy; điều chỉnh hợp đồng nhà cung cấp, yêu cầu nhà thầu phụ bảo vệ dữ liệu; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu xử lý trái phép (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 69 KP: điểm a, c khoản 5	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
210	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện toán đám mây không đánh giá tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân định kỳ 01 năm/lần.	20–50 triệu đồng	BS: — KP: Buộc công khai chính sách lưu, xóa, hủy; điều chỉnh hợp đồng nhà cung cấp, yêu cầu nhà thầu phụ bảo vệ dữ liệu; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu xử lý trái phép (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm đ khoản 1 Điều 69 KP: điểm a, c khoản 5	☐
211	Đám mây: thiếu biện pháp chống truy cập trái phép; không mã hóa khi lưu, truyền; không xác thực, định danh, phân quyền nghiêm ngặt; không báo thay đổi hệ thống ảnh hưởng an toàn dữ liệu.	50–70 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm. KP: Buộc mã hóa dữ liệu khi lưu, truyền; xác thực, định danh, phân quyền nghiêm ngặt, chống truy cập trái phép; cung cấp minh chứng; Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu xử lý trái phép (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 69 BS: điểm a khoản 4 KP: điểm b, c khoản 5	☐
212	Phát triển, sử dụng hệ thống điện toán đám mây nhằm gây tổn hại an ninh, trật tự hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản cá nhân khác.	70–100 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện dùng trực tiếp vi phạm; Đình chỉ vận hành hệ thống, nền tảng đám mây liên quan xử lý dữ liệu 03–06 tháng. KP: Buộc dừng xử lý trái quy định tới khi khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu xử lý trái phép (quy định chung; nguồn không chỉ rõ khoản vi phạm); Buộc nộp khoản thu từ vi phạm.	Phạt: khoản 3 Điều 69 BS: điểm a, b khoản 4 KP: điểm c, d khoản 5	☐

Điều 70. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu vị trí cá nhân, dữ liệu sinh trắc học

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
213	Dữ liệu vị trí, sinh trắc học: không thông báo dùng vị trí; không chặn bên thứ ba không liên quan hoặc cung cấp tùy chọn theo dõi; thiếu bảo mật vật lý, hạn chế truy cập hoặc theo dõi phòng ngừa xâm phạm.	50–70 triệu đồng	BS: — KP: Buộc cung cấp tùy chọn bật, tắt thu thập vị trí; cung cấp minh chứng (điểm b).	Phạt: Điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 70 KP: điểm b khoản 4	☐
214	Sự cố dữ liệu vị trí, sinh trắc học: không báo trong 72 giờ, thông báo thiếu; không ghi, cập nhật, lưu hồ sơ tối thiểu 05 năm sau khắc phục; không thông báo thay thế khi không thể báo mọi chủ thể theo quy định.	50–70 triệu đồng	BS: — KP: —	Phạt: Điểm đ, e, g, h khoản 1 Điều 70	☐

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
215	Theo dõi định vị bằng RFID, công nghệ khác trái điều kiện đồng ý, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc luật định; sử dụng dữ liệu sinh trắc học vượt mục đích ban đầu chưa đồng ý.	70–150 triệu đồng	BS: Tịch thu thiết bị phát sóng, thẻ RFID, thiết bị thu và máy chủ lưu sinh trắc học dùng vi phạm; Đình chỉ vận hành hệ thống, nền tảng theo dõi vị trí liên quan xử lý dữ liệu 03–06 tháng. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục dữ liệu vị trí, sinh trắc học thu thập, theo dõi trái phép.	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 70 BS: điểm a, b khoản 3 KP: điểm a khoản 4	☐

Điều 71. Vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân thu được từ hoạt động ghi âm, ghi hình tại nơi công cộng

STT	Nhóm hành vi cần rà soát	Mức phạt doanh nghiệp	Xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả	Căn cứ trong Nghị định	Rà soát
216	Ghi âm, ghi hình nơi công cộng, khu vực phục vụ khách hàng không có biển báo, cảnh báo dễ nhận biết; không cung cấp liên hệ bên kiểm soát khi được yêu cầu truy xuất hình ảnh, trừ ngoại lệ.	10–20 triệu đồng	BS: — KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục âm thanh, hình ảnh thu trái quy định; Buộc công khai liên hệ bên kiểm soát để chủ thể yêu cầu truy xuất hình ảnh; cung cấp minh chứng (điểm b).	Phạt: Điểm a, b khoản 1 Điều 71 KP: điểm a, b khoản 4	☐
217	Dùng hình ảnh, giọng nói từ camera công cộng để thương mại, phân tích hành vi, nhận diện lập hồ sơ chưa đồng ý hợp pháp; trích, chia sẻ, công khai trái phép dữ liệu ghi âm, ghi hình.	30–50 triệu đồng	BS: Tịch thu tang vật, phương tiện. KP: Buộc hủy, xóa không thể khôi phục âm thanh, hình ảnh thu trái quy định.	Phạt: Điểm a, b khoản 2 Điều 71 BS: khoản 3 KP: điểm a khoản 4	☐

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

LuatVietnam là hệ thống thông tin và dữ liệu văn bản pháp luật tại Việt Nam, cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên, hướng tới việc hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân tiếp cận, tra cứu và áp dụng pháp luật một cách chính xác, kịp thời và có hệ thống.

Được phát triển từ năm 2000, **LuatVietnam** xây dựng kho dữ liệu pháp luật hơn 400.000 văn bản, bao phủ nhiều lĩnh vực như doanh nghiệp, đầu tư, thuế, lao động và các quy định chuyên ngành. Các văn bản được tổ chức theo cấu trúc khoa học, liên kết nội dung chặt chẽ, giúp người dùng dễ dàng tra cứu, đối chiếu và xác định hiệu lực áp dụng trong từng trường hợp cụ thể.

Trên nền tảng dữ liệu đó, **LuatVietnam** phát triển các dịch vụ:

- Tra cứu văn bản pháp luật với các tính năng như Nội dung hợp nhất; So sánh văn bản; Theo dõi và Ghi chú từng điều khoản văn bản...
- Phân tích văn bản: Cập nhật và phân tích văn bản theo lĩnh vực quan tâm của từng khách hàng; So sánh chi tiết từng điều khoản...
- AI Luật – Trợ lý Luật Việt Nam đã được Bộ Tư pháp lựa chọn vận hành trên Cổng Pháp luật Quốc gia;
- Cùng các sản phẩm số khác đang không ngừng được cải tiến, nâng cấp nhằm hỗ trợ hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu tra cứu và thực thi pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

Với cách tiếp cận kết hợp giữa dữ liệu và công nghệ, **LuatVietnam** không chỉ là công cụ tra cứu, mà còn là hệ thống hỗ trợ doanh nghiệp trong việc hệ thống hóa nghĩa vụ tuân thủ. Qua đó, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản trị, giảm thiểu rủi ro pháp lý và chủ động hơn trong quá trình ra quyết định.

Thông tin liên hệ:

Trụ sở: Tầng 3, Tòa nhà IC, 82 Duy Tân, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

VPĐD: 648 Nguyễn Kiệm, P. Đức Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Website: LuatVietnam.vn

Hotline: 0938 36 1919

Email: cskh@luatvietnam.vn